

QUỸ HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU BIỂN ĐÔNG

QUỸ HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU BIỂN ĐÔNG



FOUNDATION FOR EAST SEA STUDIES

BÀI NGHIÊN CỨU BIỂN ĐÔNG 2017

TÊN BÀI NGHIÊN CỨU:

Chủ trương của Đảng về giải quyết vấn đề biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay

Tác giả: Trần Thị Ngọc Thúy

Đơn vị: Đại học Thủy lợi

Lĩnh vực nghiên cứu: Chính sách đối ngoại

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: Những yếu tố tác động đến chủ trương giải quyết vấn đề biển Đông</i>	5
1.1 Tình hình biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế phức tạp	5
1.2. Sự bành chướng của Trung Quốc và chính sách của Mỹ về vấn đề biển Đông	8
1.3. Tranh chấp khu vực giữa 5 nước và 6 bên ngày càng căng thẳng và phức tạp gây quan ngại cho các nước trong khu vực và trên thế giới	15
<i>Chương 2: Chủ trương và quan điểm của Đảng trong việc giải quyết vấn đề biển Đông</i>	17
2.1. Chủ trương của Đảng	17
2.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam	20
2.2.1. Khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	20
2.2.2. Chủ trương giải quyết bằng biện pháp hòa bình	28
2.2.3. Không đứng về phía nước này để chống lại nước khác	34
2.2.4. Thực hiện chính sách đối ngoại ba không	36
2.2.5. Tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, đặc biệt tăng cường lực lượng quân sự	40
<i>Chương 3: Một số giải pháp của Đảng để giải quyết vấn đề biển Đông</i>	46
3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo	46
3.2. Đấu tranh ngoại giao trên cơ sở diễn biến của tình hình cũng như tùy từng vụ việc, mức độ mà có những quan điểm và chính sách phù hợp	49
3.3. Giải quyết hài hòa mối quan hệ đối tượng và đối tác, vừa hợp tác, vừa đấu tranh	52
3.4. Hiểu rõ và vận dụng có hiệu quả Luật pháp quốc tế, giải pháp hòa bình thương lượng trên cơ sở Luật biển năm 1982 (UNCLOS), những nguyên tắc ứng xử ASEAN (DOC-COC) và những phán quyết PCA (Hà Lan, 12-7-2016)	56
3.5. Đẩy mạnh tuyên truyền quốc tế, phối hợp với các cuộc đấu tranh của các nước nhằm đảm bảo hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới, bảo đảm an toàn hàng hải quốc tế qua biển Đông	58
KẾT LUẬN	62
TÀI LIỆU THAM KHẢO	65

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Biển Đông có tầm quan trọng đặc biệt về chiến lược, là con đường hàng hải nhộn nhịp thứ hai thế giới, tuyến đường giao thông biển huyết mạch nối liền Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, nơi đây luôn hiện diện những chuyến tàu chở hàng từ châu Âu, Trung Đông đến châu Á và ngược lại. Hơn thế nữa, có tới năm trong số mười tuyến đường biển thông thương lớn nhất thế giới đều liên quan đến biển Đông. Biển Đông còn chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên có giá trị như dầu mỏ, khí đốt. Với Việt Nam, ngoài tiềm năng phong phú về kinh tế, biển Đông còn có ý nghĩa vô cùng trọng yếu về mặt quốc phòng và an ninh.

Trong khu vực biển Đông, có 9 nước và lãnh thổ liên quan trực tiếp đến ranh giới, chủ quyền vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế là Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Malayxia, Indônêxia, Đài Loan, Thái Lan, Xingapo và Brunây. Các cuộc tranh chấp về chủ quyền hoặc nguồn lợi ở biển Đông giữa các nước láng giềng trong khu vực đã diễn ra từ lâu, nhưng gần đây mới trở thành “điểm nóng”, có tính căng thẳng giữa các bên liên quan, đồng thời trở thành vấn đề đặc biệt phức tạp, khi Trung Quốc đưa ra yêu sách phi lý về đường ranh giới “lưỡi bò”, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Tầm quan trọng to lớn và vẻ bên ngoài bình yên của Biển Đông che đậy sự căng thẳng đang âm ỉ, nảy sinh bởi những yêu sách và phản yêu sách về lãnh thổ chồng chéo đối với các khu vực và các điểm trên biển của các quốc gia trong khu vực. Lịch sử của những xung đột từ lâu trong khu vực đã dẫn đến những tranh chấp và căng thẳng trên vùng biển có khả năng đe dọa tới hòa bình khu vực. Chính những giá trị địa chiến lược của biển Đông và cuộc đua giành tài nguyên, ảnh hưởng ở châu Á – Thái Bình Dương đã làm gia tăng những cọ xát và va chạm giữa các quốc gia, đặc biệt là giữa các nước lớn. Những toan tính vị kỷ đã khiến tranh chấp ở biển Đông ngày càng trở nên phức tạp và khó giải quyết bởi một chuỗi hành động, phản ứng diễn ra liên tục giữa các bên liên quan. Điều đó đã vô tình tạo ra một “sân khấu” cho các cường quốc phô trương lực lượng và triển khai sức mạnh của mình và nguy cơ tiềm ẩn những xung đột ngày càng lớn tại đây.

Do đó, việc trình bày một cách có hệ thống những chủ trương và quan điểm của Đảng trong việc giải quyết vấn đề biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý về chủ quyền biển đảo của Việt Nam, hiểu rõ giải pháp hòa bình thương lượng trên cơ sở Luật biển năm 1982 (UNCLOS) và những nguyên tắc ứng xử ASEAN (DOC); đồng thời tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới kể cả nhân dân Trung Quốc; nhằm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, góp phần chống lại những thế lực bành trướng, bảo vệ hòa bình, ổn định và

hợp tác phát triển trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo an toàn hàng hải và hàng không quốc tế trên Biển Đông là vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

Với những lí do trên, tôi chọn đề tài: “*Chủ trương của Đảng về giải quyết vấn đề biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay*” làm đề tài nghiên cứu biển Đông năm 2017.

2. Mục tiêu của đề tài

Mục tiêu tổng quát: Làm rõ chủ trương và quan điểm của Đảng trong việc giải quyết vấn đề biển Đông trong diễn cảnh khu vực và quốc tế có nhiều phức tạp.

Mục tiêu cụ thể

- Làm rõ những yếu tố tác động đến chủ trương giải quyết vấn đề biển Đông của Đảng.

- Chủ trương và quan điểm của Đảng trong việc giải quyết vấn đề biển Đông.

- Một số giải pháp của Đảng để giải quyết vấn đề biển Đông.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lịch sử và phương pháp logic và sự kết hợp hai phương pháp này được sử dụng chính trong đề tài. Trong đó, *phương pháp lịch sử* sử dụng chủ yếu nhằm làm rõ những chủ trương, biện pháp của Đảng để giải quyết vấn đề biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay. *Phương pháp logic* được sử dụng chủ yếu trong đề tài nhằm phân tích, đánh giá, khái quát những chủ trương, biện pháp của Đảng về giải quyết vấn đề biển Đông.

Ngoài ra, các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa... cũng được vận dụng để giải quyết nội dung nghiên cứu của đề tài.

4. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

4.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Có nhiều cơ quan và các nhà khoa học ở trong nước và trên thế giới nghiên cứu ở các góc độ khác nhau về vấn đề biển Đông cũng như việc giải quyết tranh chấp ở biển Đông. Có thể chia thành các hai nhóm công trình nghiên cứu sau:

Nhóm công trình của các nhà nghiên cứu nước ngoài tiêu biểu như: Cuốn *Biển Đông: Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải* của tác giả G. M. Lokshin (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015); *Biển Đông: Hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác* của Vinod Saighal, Su Hao, Ren Yuanzhe...; Đặng Đình Quý (cb) (NXB Thế giới, Hà Nội, 2011); *Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên liên quan* của tác giả Geoffrey Till, Hideaki Kaneda, Su Hao... , Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (cb), (NXB Thế giới, Hà Nội, 2013); *Tranh chấp biển Đông: Luật pháp, địa chính trị và hợp tác quốc tế* của các tác giả: Geoffrey Till, Rodolfo C. Severino, Bronson Percival...; Đặng Đình Quý (cb) (NXB Thế giới, 2012); *Biển Đông: Tìm kiếm một dàn xếp pháp lý mới nhằm tăng cường ổn định, hoà bình và hợp tác* của tác giả Nguyễn Hồng Thao và Ramses Amer đăng

trên tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, Số 2 (77), 2009 là tập hợp những bài viết của các tác giả phân tích về tình hình quốc tế phức tạp trong những năm gần đây tại biển Đông, nơi đang diễn ra cuộc tranh chấp giữa Trung Quốc và các nước ven bờ biển Đông, về quyền lãnh thổ các đảo, về các ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Qua đó, các tác giả đã làm rõ những đặc trưng chung về sự tranh chấp, những mục tiêu, lợi ích và yêu sách của các bên tham gia tranh chấp gồm Trung Quốc, Việt Nam, Philippin, ASEAN, Nga, Mỹ cũng như những nỗ lực của Nga nhằm duy trì hòa bình, ổn định khu vực.

Cuốn “Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa” (NXB Chính trị quốc gia, 1998), được dịch từ cuốn “Sovereignty over the Paracel and Sparty islands” của tác giả Chemillier Gendreau (L’Harmattan Paris (Pháp), 1996) là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc và độc lập. Trong đó, dưới góc độ luật gia quốc tế, tác giả đã phân tích lập luận của các bên liên quan đến cuộc tranh chấp hai quần đảo và đưa ra những giải pháp cho vấn đề tranh chấp phức tạp này dựa vào cơ chế giải quyết tranh chấp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982.

Các công trình trên đã giúp cho việc kế thừa những quan điểm và triển vọng để duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương nói chung và biển Đông nói riêng, từ đó Đảng Cộng sản Việt Nam hoạch định những chủ trương và biện pháp để giải quyết vấn đề biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay.

Nhóm công trình của các nhà nghiên cứu trong nước tiêu biểu như: Cuốn *Những quan điểm nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới của Trần Minh Trường* (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014); *Quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)* (NXB Chính trị Quốc gia, 2014); *Hợp tác ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế* của tác giả Trần Nam Tiến (NXB Văn hóa-văn nghệ, 2014); *Sự hiện diện của các cường quốc ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế* của tác giả Nguyễn Tuấn Khanh (NXB Đại học quốc gia TP HCM, 2015); *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế* của tác giả Nguyễn Minh Tâm (NXB Công an nhân dân, 2015); *Bảo vệ chủ quyền và quản lý – khai thác biển đảo Việt Nam 1975-2014* của tác giả Phạm Ngọc Trâm (NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh); *Quan điểm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội về đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo* (NXB văn học, 2014); *Biển Đông lịch sử, pháp lý và quan hệ quốc tế* của tác giả Đỗ Tiến Sâm (cb) (NXB Khoa học xã hội, 2015); *Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế giải quyết tranh chấp chủ quyền biển – đảo* của Trung tâm Luật biển và Hàng hải Quốc tế, Nguyễn Bá Diên (cb), (NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2013)... là những công trình chuyên khảo đã dựng lại bức tranh về lịch sử bảo vệ chủ quyền và quản lý – khai thác biển đảo của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế đa dạng và phức tạp. Những tư duy chiến lược về biển Đông của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và các nước có quyền lợi hoặc tranh chấp

quyền lợi ở biển Đông. Đồng thời phản ánh những biến động phức tạp trên bàn cờ địa chính trị kinh tế cùng tình hình kinh tế, chính trị trong nước tác động đến vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. Từ đó đưa ra những phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, thách thức, thời cơ, những kinh nghiệm rút ra từ thực tế để đề ra một số giải pháp nhằm giải quyết tranh chấp biển đảo; trong việc ứng xử với các cường quốc tại biển Đông nhằm đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam cũng như quá trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam hiện nay.

4.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa có chọn lọc một số quan điểm, nội dung trong các công trình khoa học có liên quan đến đề tài, căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, đề tài tiếp tục đi sâu nghiên cứu một số vấn đề sau:

Một là, làm rõ những yếu tố tác động đến chủ trương giải quyết vấn đề biển Đông của Đảng.

Hai là, chủ trương và quan điểm của Đảng trong việc giải quyết vấn đề biển Đông.

Ba là, một số giải pháp của Đảng để giải quyết vấn đề biển Đông.

5. Đóng góp của đề tài

5.1 Đối với lĩnh vực khoa học có liên quan

- Trình bày có hệ thống những chủ trương và biện pháp của Đảng để giải quyết vấn đề biển Đông, góp phần làm sâu sắc thêm một khía cạnh của chính sách ngoại giao hiện nay của Đảng và Nhà nước.

- Cung cấp một tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu về vấn đề biển Đông trong bối cảnh hiện nay. Đồng thời cung cấp những dữ liệu lịch sử làm cơ sở khoa học trong việc hoạch định chủ trương ngoại giao của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

5.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

Cung cấp một tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy môn Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

5.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

Đề tài làm rõ những chủ trương và giải pháp của Đảng nhằm giải quyết những mối quan hệ phức tạp ở biển Đông sẽ định hướng cho việc ổn định tình hình khu vực và quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Chương 1

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG

1.1 Tình hình biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế phức tạp.

Biển Đông có vai trò như một cầu nối thương mại Đông – Tây, “một tuyến đường hàng hải cao tốc, đóng vai trò như một cầu nối tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại giữa Trung Quốc với Ấn Độ, giữa Đông Á và Đông Nam Á với Trung Đông kể từ thời cổ đại cho đến tận ngày nay”¹.

Nó thúc đẩy phần lớn việc nhập khẩu nguồn dầu thiết yếu của các quốc gia khan hiếm tài nguyên ở Viễn Đông – cụ thể là Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc – chủ yếu từ Trung Đông và ngày càng tăng từ Nam Mỹ và châu Phi. Theo ước tính, Biển Đông là nơi di chuyển của hơn một nửa số tàu chở dầu lưu thông trên thế giới và hơn một nửa số tàu buôn trên thế giới (tính theo trọng tải) hàng năm².

Do có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng và do nhiều nguyên nhân khác nhau, giữa các quốc gia xung quanh Biển Đông đã phát sinh nhiều xung đột. Theo GS. Liu Nan Lai, Nghiên cứu viên, Trung tâm nghiên cứu Luật pháp quốc tế, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, những vấn đề ảnh hưởng đến an ninh ở Biển Đông và nguyên nhân phát sinh là rất đa dạng, trong đó chủ yếu là “Công ước Luật Biển của Liên Hợp Quốc năm 1982 đã thông qua sự thiết lập về quy chế lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, vùng biển chung, khu vực đáy biển quốc tế ... và trên thực tế đã hoàn thành việc phân phối tài nguyên sinh vật biển và tài nguyên phi sinh vật biển trên phạm vi toàn thế giới”. Và do các quốc gia có đường bờ biển đối diện hoặc gần kề nhau đều tự thiết lập vùng biển thuộc quốc gia mình quản lý dẫn đến tình trạng chồng lấn lên nhau, nên “chỉ cần một quốc gia đang trong quá trình tranh chấp lại đơn phương có hành động do thám hay khai thác tài nguyên tự nhiên thì không thể tránh khỏi việc phát sinh xung đột với các nước có liên quan”³.

Hiện nay, ở biển Đông chúng ta còn ba vấn đề lớn liên quan đến biên giới lãnh thổ cần phải giải quyết: tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc; tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa giữa 5 nước 6 bên gồm Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia, Philipin, Đài Loan và Brunei; phân định ranh giới các vùng biển theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và việc xác định ranh giới ngoài

¹ Nazery Khalid, *Biển Đông: Nền tảng cho sự thịnh vượng hay vũ đài cho sự tranh cãi?* Trong “Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực” Nxb Thế giới, 2009, *Chủ thích 4*, Tr.92.

² Nazery Khalid, *Biển Đông: Nền tảng cho sự thịnh vượng hay vũ đài cho sự tranh cãi?* Sđd, *Chủ thích 5*, Tr.93.

³ Liu Nan Lai, *Thúc đẩy hợp tác an ninh ở biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế*, trong: “Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực”, Nxb Thế giới, 2009, Tr.286.

của thềm lục địa. Trong đó, việc giải quyết tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đặc biệt phức tạp và khó khăn do vị trí chiến lược của hai quần đảo này cũng như các yếu tố tài nguyên ở khu vực xung quanh hai quần đảo; do mối quan hệ mật thiết với các vấn đề biên giới lãnh thổ trên biển khác cũng như ảnh hưởng tới quan hệ giữa các nước liên quan. Đây cũng là vấn đề thu hút sự quan tâm của các cường quốc và là yếu tố đảm bảo sự cân bằng và ổn định trên Biển Đông.

Thứ nhất là về tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc và tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa giữa Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia, Philipin, Đài Loan và Brunei

Ngoài tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc về chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì tranh chấp lãnh thổ quần đảo Trường Sa đã trở thành nhân tố chính gây nên xung đột tại Biển Đông. Quần đảo Trường Sa được tạo thành bởi 97 hòn đảo, bãi đá, bãi ngầm... trải dài trên 1000km từ Đông Nam đến Tây Bắc. Vào trước những năm 50 – 60 của thế kỷ trước, quần đảo Trường Sa chưa phải đối diện với thách thức gì nghiêm trọng. Hiện nay, nhiều quốc gia đã đưa ra chủ trương về quyền lợi đối với toàn bộ hoặc một phần của quần đảo Trường Sa.

Thứ hai là phân định ranh giới các vùng biển theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982

Về giải quyết vùng chồng lấn thềm lục địa với Malaysia: Giữa Việt Nam và Malaysia tồn tại một vùng chồng lấn biển và thềm rộng khoảng 2.800 km² được hình thành bởi đường ranh giới thềm lục địa do chính quyền Sài Gòn công bố năm 1971 và đường ranh giới thềm lục địa được Malaysia thể hiện trên bản đồ xuất bản năm 1979. Ngày 05-6-1992, tại Kuala Lumpur (Malaysia), hai nước đã ký thoả thuận hợp tác thăm dò khai thác chung vùng chồng lấn, giao cho các công ty dầu khí của hai nước ký các đơn xếp thương mại và tiến hành hợp tác thăm dò, khai thác tiềm năng dầu khí ở khu vực này.

Về giải quyết vùng chồng lấn ba nước Việt Nam - Thái Lan – Malaysia: Vùng khai thác chung giữa Thái Lan và Malaysia rộng khoảng 7.250 km², trong đó có khoảng 875 km² là vùng chồng lấn thềm lục địa ba nước Việt Nam - Thái Lan - Malaysia. Ba nước đã thỏa thuận thông qua đàm phán, thương lượng để giải quyết vấn đề này, trước mắt đã thỏa thuận được một số nội dung chủ yếu liên quan tới mô hình hợp tác và các vấn đề kỹ thuật.

Về giải quyết phân định biên giới biển với Campuchia: Ngày 07-7-1982, Chính phủ hai nước Việt Nam-Campuchia đã ký Hiệp định về vùng nước lịch sử, ngoài nội dung xác định vùng nước lịch sử giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan, Hiệp định cũng thoả thuận sẽ hoạch định đường biên giới biển giữa hai nước vào thời điểm thích hợp. Hiện nay, hai nước đang tập trung tiến hành đàm phán phân định biên giới trên đất liền, vấn đề biên giới trên biển sẽ được tiếp tục đàm phán, giải quyết trong thời gian tới.

Thứ ba là tranh chấp ranh giới biển, thêm lục địa:

Đây là loại tranh chấp được hình thành trong xu hướng thay đổi có tính chất cách mạng về địa-chính trị, địa – kinh tế trên phạm vi thế giới với việc khoảng 36% diện tích biển và đại dương thế giới đã được đặt dưới chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển kể từ khi Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển đã được thông qua năm 1982. Việc đàm phán xác định ranh giới biển và thêm lục địa giữa Việt Nam và các nước xung quanh Biển Đông đã, đang và sẽ tiến hành giải quyết cho các khu vực: Ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa ở phía Nam Biển Đông có liên quan giữa Việt Nam, Malayxia, Philipin, Brunei, Indonexia; Ranh giới các vùng biển, thêm lục địa có liên quan giữa Việt Nam, Malayxia, Thái Lan, Campuchia.; ranh giới biển của phạm vi biển thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa giữa các bên tranh chấp có liên quan.

Cho đến thời điểm hiện nay, các bên liên quan đã giải quyết được: Ranh giới biển trong Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc (25-12-2000); ranh giới thêm lục địa giữa Việt Nam và Indonexia tại vùng thêm lục địa phía Nam Biển Đông (23-6-2003); ranh giới Vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa trong Vịnh Thái Lan có liên quan giữa Việt Nam và Thái Lan, ký (9-8-1997); thoả thuận về giải pháp tạm thời cùng khai thác vùng chồng lấn (joint-development) được ký kết giữa Việt Nam và Malayxia (5-6-1992); hiệp định về “Vùng nước lịch sử” giữa Việt Nam và Campuchia, (7-7-1982).

Như vậy, việc xác định ranh giới các vùng biển và thêm lục địa chồng lấn giữa các nước có liên quan còn lại là rất lớn và khó khăn, phức tạp do: Thứ nhất Trung Quốc đã đưa ra các yêu sách về các vùng biển và thêm lục địa trong Biển Đông rất khác nhau, hoặc là do hoàn toàn không tuân thủ các quy định có liên quan của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển, hoặc đã giải thích và vận dụng các tiêu chuẩn của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển một cách chủ quan, không chuẩn xác, thậm chí hoàn toàn sai lệch, sao cho có lợi nhất khi tiến hành đàm phán với các bên hữu quan để phân định ranh giới biển và thêm lục địa. Thứ hai là “giữa Biển Đông lại có 2 quần đảo, vừa đang ở trong tình trạng tranh chấp phức tạp về chủ quyền lãnh thổ, vừa tồn tại những quan niệm khác nhau về hiệu lực đối với việc xác định phạm vi các vùng biển và thêm lục địa của chúng”¹.

Mặc dù Trung Quốc luôn khẳng định cần coi tranh chấp Biển Đông là vấn đề hoàn toàn của các quốc gia liên quan và của khu vực, bởi vấn đề Biển Đông đang là thước đo để đánh giá vai trò và chính sách của Trung Quốc trong tương lai. Nhưng trên thực tế nó ngày càng được xem là vấn đề toàn cầu. Nhà chiến lược đầu thế kỷ 20 Halford Mackinder đã đưa ra luận điểm quan trọng: “Sự thống nhất của đại dương là yếu tố tự nhiên đơn giản giúp xác định giá trị vượt trội của sức mạnh biển trong thế giới hiện đại. Do biển kết nối tất cả các quốc gia với nhau,

¹ Trần Công Trục, *Các biện pháp duy trì hòa bình, ổn định và tăng cường hợp tác về biển Đông*, trong “Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực”, Nxb Thế giới, 2009, Tr.60-61.

các nước bên ngoài khu vực cũng có lợi ích lớn trong việc quản lý xung đột và kết quả của tranh chấp, đặc biệt khi họ là các quốc gia biển, do đó việc họ muốn thể hiện lợi ích của mình trong các vấn đề này là dễ hiểu. Vì vậy, tranh chấp Biển Đông nên được xem như một vấn đề toàn cầu và cộng đồng quốc tế có lợi ích trong việc quản lý hòa bình các tranh chấp này với hy vọng một ngày nào đó sẽ tìm ra một giải pháp”¹. Bên cạnh đó, tại cuộc Đối thoại Shangri-La tháng 6-2011, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates cũng đã tiếp tục nhấn mạnh quan điểm rằng tranh chấp Biển Đông là một vấn đề toàn cầu với tầm quan trọng và những hệ lụy mang tính toàn cầu của nó.

1.2. Sự bành chướng của Trung Quốc và chính sách của Mỹ về vấn đề biển Đông

1.2.1. Sự bành chướng của Trung Quốc

Quá trình gia tăng căng thẳng trên biển Đông bắt đầu từ sự kiện ngày 7-5-2009 khi phái đoàn thường trực Cộng hòa nhân dân trung Hoa tại Liên hợp quốc chính thức cho lưu hành bản đồ “đường đứt khúc 9 đoạn” (“đường lưỡi bò”, “đường chữ U”) (bao trọn 4 nhóm quần đảo, bãi ngầm lớn trên biển Đông: quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Đông Sa và bãi Macclesfield với khoảng 75% diện tích mặt nước của biển Đông). Trung Quốc đã triển khai hàng loạt các hoạt động quân sự, gây căng thẳng cho các nước trong khu vực: thiết lập căn cứ tàu ngầm nguyên tử tại Hải Nam; tuyên bố thành phố Tam Sa bao gồm các quần đảo trên biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam; xây dựng tàu sân bay, tập trận có bắn đạn thật; tăng cường mở tuyến du lịch ra quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam bằng đường không, đường thủy; ban bố lệnh cấm đánh bắt cá ở biển Đông; đẩy mạnh thăm dò dầu khí...

Những hành động gây căng thẳng của Trung Quốc không chỉ gây quan ngại đối với việc duy trì hòa bình, ổn định ở biển Đông, trong khu vực, trên thế giới mà còn trở thành tâm điểm thời sự được bàn luận sôi nổi tại Hội nghị an ninh khu vực châu Á lần thứ 10 (Đối thoại Sangri La 10) vào tháng 6-2011 tại Singapore. Giải pháp cho tranh chấp biển Đông đã trở thành mối quan tâm vượt ra khỏi tầm khu vực. Tuyên bố Giacacta (31-5-2011) khẳng định, không chỉ các nước trong khu vực mà các cường quốc bên ngoài khu vực cũng có vai trò hữu ích trong việc duy trì tình trạng hiện nay.

Đối với Việt Nam, ngày 26-5 và 9-6-2011, Trung Quốc sử dụng tàu Hải Giám, Ngư Chính và tàu cá xâm nhập sâu vào vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, ngăn cản, cắt cáp, thăm dò của tàu Bình Minh 02 (thuộc tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam) và tàu Viking II đang khảo sát địa chất trong thềm lục địa của Việt Nam.

Những năm gần đây, hải quân và các lực lượng bán vũ trang (kiểm ngư, hải giám) liên tục vi phạm chủ quyền lãnh hải của Việt Nam, xua đuổi các tàu đánh bắt cá, bắt ngư dân

¹ Dẫn theo: GS. Geoffrey Till, *Thử nghiệm tầm quan trọng toàn cầu của tranh chấp biển Đông*, trong “Tranh chấp biển Đông: Luật pháp, địa chính trị và hợp tác quốc tế”, Nxb thế giới, 2012, Chú thích 3, tr.20.

Việt Nam đang làm ăn, hoạt động hợp pháp trong vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam. Nghiêm trọng hơn cả là ngày 1-5-2014, Trung Quốc đã ngang nhiên đưa giàn khoan nước sâu Hải Dương 981 đến đặt khoan thăm dò trong vùng biển thuộc đặc quyền kinh tế của Việt Nam, làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ hai nước, xâm phạm chủ quyền lãnh hải của Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam kịch liệt phản đối hành động của Trung Quốc; hàng trăm cuộc mít tinh của các tầng lớp nhân dân Việt Nam và nhiều tổ chức quốc tế, nhân dân thế giới đã lên tiếng phản đối hành động bất chấp luật pháp quốc tế của Trung Quốc.

Trước những hành động của Trung Quốc, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là kiên quyết đấu tranh, yêu cầu Trung Quốc phải tôn trọng chủ quyền lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, quyền tài phán của Việt Nam. Phương pháp đấu tranh là bằng đàm phán, hòa bình, vận động nhân dân thế giới ủng hộ chủ quyền, lợi ích dân tộc chính đáng của nhân dân Việt Nam với phương châm phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để đạt mục tiêu toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải.

1.2.2. Chiến lược xoay trục châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ

Trong nhiều năm qua, vấn đề Biển Đông luôn là bài toán khó không chỉ với các nước có yêu sách chủ quyền mà còn với những nước trong và ngoài khu vực, trong đó có Mỹ.

Cho đến khi kết thúc Chiến tranh lạnh, Mỹ vẫn coi châu Âu là trọng điểm chiến lược. Từ khi Tổng thống Bush lên cầm quyền, đồng thời với tăng cường thêm lực lượng ở châu Âu, Mỹ bắt đầu chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang khu vực châu Á – Thái Bình Dương với mục đích duy trì địa vị siêu cường trong thế kỷ mới. Bắt đầu rõ nét hơn là dưới thời của chính quyền Tổng thống B.Clinton. Thể hiện trong bản tuyên bố toàn diện nhất về chính sách mới đối với khu vực đã được Winston Lord trình bày trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện: Đối với Mỹ, không có khu vực nào quan trọng hơn châu Á – Thái Bình Dương và không có khu vực nào khác có tầm quan trọng như thế đối với Mỹ trong thế giới mới. Quá trình triển khai chiến lược “xoay trục” – “tái cân bằng” của Mỹ đối với châu Á – Thái Bình Dương diễn ra trên các mặt: quân sự, kinh tế, và ngoại giao.

Đối với biển Đông, Mỹ ngày càng quan tâm nhiều hơn đến tình hình tranh chấp chủ quyền ở đây, *trước hết* là do Mỹ lo ngại về quyền tự do đi lại trên biển và lợi ích kinh tế của Mỹ. Vì biển Đông là một mắt xích quan trọng trong sự điều chỉnh chiến lược từ châu Âu - Đại Tây Dương sang châu Á - Thái Bình Dương. Là một cường quốc biển có vị trí địa lý được bao bọc bởi hai đại dương, Mỹ luôn quan tâm đến vai trò của biển và quyền lực biển đối với xây dựng, phát triển và bảo vệ an ninh đất nước đồng thời nằm trong chiến lược kiểm soát thế giới của Mỹ. Từ rất sớm, Mỹ đã hoạch định chiến lược kiểm soát đại dương, xây dựng lực lượng hải quân hùng hậu nhất thế giới, lấy đó làm cơ sở để xác lập và mở rộng ảnh hưởng trên tất cả các đại dương. Chính vì vậy, mỗi quan tâm đến Biển Đông gần

như là điều đương nhiên với Mỹ. *Thứ hai*, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, vùng biển này ngày càng chiếm giữ vị thế quan trọng trong chiến lược biển, quyền lực biển của Mỹ do Biển Đông tiếp tục là một trong những tuyến đường biển nhộn nhịp nhất, quan trọng nhất của thế giới nối liền châu Âu với châu Á, Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương. *Thứ ba* là sự dịch chuyển cán cân quyền lực thế giới từ châu Âu sang châu Á, mà sự dịch chuyển này lại liên quan trực tiếp đến sự trỗi dậy và ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở khu vực. Trung Quốc ngày càng trở thành nhân tố chủ chốt đe dọa vị thế siêu cường thế giới duy nhất của Mỹ.

Như vậy, lợi ích của Mỹ ở Biển Đông bao gồm các loại lợi ích đa dạng về tự do hàng hải, kinh tế, chính trị, quân sự và an ninh, mà những lợi ích này là không thay đổi. Đông Nam Á cùng các tuyến đường trên Biển Đông có thể cung cấp cho Mỹ một vị trí dễ dàng tiếp cận về phía Nam lục địa. Kết hợp với việc tăng cường sự có mặt về quân sự ở Trung Á, liên minh chặt chẽ hơn với Nhật Bản về quân sự và an ninh ở phía Đông, Đông Nam Á có thể giúp Mỹ tạo thành vành đai chiến lược từ phía Tây xuống phía Nam và kéo sang phía Đông để bảo vệ lợi ích của Mỹ và các đồng minh ở đây.

Chính sách Biển Đông của Mỹ còn được thể hiện trong *Tuyên bố Hà Nội* của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton tại Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) ngày 24-7-2010. “Tuyên bố Hà Nội có thể được hiểu như một phần của chính sách “tái can dự” hay “nước Mỹ đã trở lại” của chính quyền Obama đối với vấn đề Biển Đông”¹.

Dưới thời Tổng thống Mỹ Barack Obama, chính sách Biển Đông của Washington được thể hiện ở ba tầng nấc: ngoại giao, pháp lý và quân sự.

Về ngoại giao, chính quyền Obama không ngừng can dự tích cực và chủ động vào các thể chế khu vực do ASEAN dẫn dắt, đồng thời kiên trì nêu và thuyết phục các nước ASEAN đưa các nội dung mang tính nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp Biển Đông vào các tuyên bố chung của khu vực, đáng chú ý là Tuyên bố chung tại Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN lần đầu tiên được tổ chức tại Sunnylands, California (2-2016).

Về pháp lý, Mỹ không ngừng nhấn mạnh tầm quan trọng về pháp lý và chính trị của phán quyết của Tòa trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển, cũng như hệ lụy của việc phớt lờ phán quyết. Các cấp lãnh đạo Mỹ, từ Chính phủ đến Quốc hội đều nhấn mạnh phán quyết mang tính ràng buộc pháp lý đối với Trung Quốc và Philippines, là cơ hội để các bên tái khởi động nỗ lực giải quyết hòa bình tranh chấp hàng hải.

Về quân sự, Mỹ duy trì diễn tập quân sự song và đa phương với các nước khu vực (“Balikatan” và “Carat” với Philippines, “Hổ mang vàng” với Thái Lan, “Người gác đền

¹ Dẫn theo: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/277-chinh-sach-bien-dong-cua-my-hien-nay.html>.
Chú thích 1.

Angkor” với Campuchia, RIMPAC...), phát động Sáng kiến An ninh Hàng hải (MSI)... Đáng chú ý, sau ba năm gián đoạn, từ đầu năm 2015, hải quân Mỹ đã tiến hành ba hoạt động tự do hàng hải (FONOP) tại Biển Đông (lần thứ nhất trong vòng 12 hải lý xung quanh đá Subi, Trường Sa, tháng 10-2015; lần thứ hai tại đảo Tri Tôn, Hoàng Sa, tháng 1-2016; và lần thứ ba tại đá Chũ Thập, Trường Sa, tháng 5-2016)¹.

Tuy nhiên, chính sách Biển Đông dưới thời chính quyền Tổng thống Obama được đánh giá là không đủ mạnh để ngăn chặn Trung Quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ. Hoạt động FONOP được mong chờ nhất tại Đá Vành Khăn – thực thể hoàn toàn chìm dưới nước khi thủy triều dâng, được Trung Quốc tôn tạo ở quy mô lớn nhất và xây dựng đường băng dài 3 km, trong khi Tòa trọng tài ra phán quyết thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Philippines - đã không được Mỹ tiến hành.

Thay vì thách thức khả năng Trung Quốc đưa ra tuyên bố lãnh hải 12 hải lý quanh các đảo đá nhân tạo, một số hoạt động FONOP của Mỹ chỉ nhằm thực hiện quyền qua lại vô hại tại cấu trúc đáng lẽ không được hưởng vùng lãnh hải theo Điều 121 UNCLOS 1982.

Như vậy, Mỹ tạo cơ sở cho Trung Quốc đưa ra các tuyên bố chủ quyền lãnh hải quanh các cấu trúc trên trong tương lai. Hậu quả trước mắt trong chính sách Biển Đông dưới thời chính quyền Obama là “từ tháng 9-2013, Trung Quốc đã liên tiếp biến bảy cấu trúc có tranh chấp trên Biển Đông thành các đảo nhân tạo với tốc độ và diện tích tăng “chóng mặt”, đồng thời triển khai cơ sở hạ tầng quân sự và dân sự đáng kể trên các đảo này”².

Rõ ràng là chiến lược “xoay trục” về châu Á - Thái Bình Dương không hề thay đổi, vấn đề là phải thực hiện bằng một biện pháp khác, do những biện pháp thời Tổng thống Obama không mang lại hiệu quả. Điển hình là trong cuộc cạnh tranh địa - chính trị trên Biển Đông, Hoa Kỳ đã tỏ ra bất lực trước Trung Quốc. Những biện pháp quân sự rất hạn chế của Hoa Kỳ (tập trận, tuần tra ở Biển Đông không những không ngăn cản được Trung Quốc bồi đắp đá thành đảo, mà còn kích thích Trung Quốc làm mạnh tay hơn trên 7 bãi cạn ở Trường Sa, không chỉ tiến về phía Philippines, mà còn tiến về phía Indonesia và Malaysia.

Vấn đề đặt ra là, Hoa Kỳ sẽ làm như thế nào để ngăn cản Trung Quốc trên Biển Đông? Theo Grant Newsham, một sĩ quan Mỹ, “rất ít người nghiêm túc nghĩ rằng, Mỹ sẽ phong tỏa các đảo nhân tạo. Đây là một lựa chọn thiếu tính khả thi”. Trong khi Hoa Kỳ không thể từ bỏ Biển Đông, thì lãnh đạo Trung Quốc cũng không muốn xuống thang, vì không thể để mất thể diện với dân chúng. Cuộc cạnh tranh địa - chính trị giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trên Biển Đông sẽ còn diễn biến phức tạp.

Biển Đông có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về nhiều mặt. Theo ước tính, giá trị thương mại hàng năm đi qua Biển Đông khoảng 5,3 ngàn tỷ USD, trong đó riêng Hoa Kỳ

¹ Xem thêm: <http://baoquocte.vn/chinh-sach-bien-dong-cua-chinh-quyen-trump-binh-moi-ruou-co-moi-44375.html>

² <http://baoquocte.vn/chinh-sach-bien-dong-cua-chinh-quyen-trump-binh-moi-ruou-co-moi-44375.html>

chiếm khoảng 1,2 ngàn tỷ USD. Vì thế Hoa Kỳ sẽ không thể để Trung Quốc tự tung tự tác ở nơi này. Tân Ngoại trưởng Rex Tillerson xác nhận trước Thượng viện Hoa Kỳ rằng, nếu để Trung Quốc kiểm soát Biển Đông, toàn bộ nền kinh tế thế giới sẽ bị ảnh hưởng. Ông đề xuất: một là buộc Trung Quốc dừng quân sự hóa Biển Đông, dừng các hoạt động xây dựng trên đảo nhân tạo; hai là ngăn chặn Trung Quốc truy cập các đảo nhân tạo.

Trên thực tế, trong quá trình tranh cử, ứng viên Tổng thống D. Trump gần như không đề cập đến Biển Đông, chỉ nhấn mạnh sẽ tăng cường hiện diện quân sự tại Biển Đông và Biển Hoa Đông nhằm gây sức ép khiến Trung Quốc phải nhượng bộ trong quan hệ thương mại.

Sau khi Trump được lựa chọn là Tổng thống nước Mỹ, ông gần như không chịu ràng buộc bởi quan điểm, chính sách của người tiền nhiệm. Theo quan sát của giới nghiên cứu quốc tế, nhiều chính sách đã thực hiện ở đời tổng thống trước đã thay đổi. Trong diễn văn nhậm chức đầy ấn tượng, ngày 20-1-2017, Tổng thống Trump chỉ rõ những điều bất cập của Hợp bang Hoa Kỳ như sau:

"Trong nhiều thập niên, chúng ta đã làm giàu cho công nghiệp nước ngoài trong khi công nghiệp Mỹ bị thua thiệt; Trợ cấp cho quân đội các nước khác trong khi để mặc cho quân đội của chúng ta suy yếu một cách đáng buồn; Chúng ta đã bảo vệ biên giới các quốc gia khác trong khi không bảo vệ biên giới của chính đất nước mình; Chúng ta đã chi hàng nghìn tỷ đôla ở nước ngoài trong khi cơ sở hạ tầng của Mỹ rơi vào tình trạng hư hại, mục nát. Chúng ta đã giúp các nước khác trở nên giàu có trong khi sự thịnh vượng, sức mạnh và niềm tự tin của đất nước chúng ta mai một dần. Lần lượt, các nhà máy đóng cửa và rời lãnh thổ của chúng ta, mà không mấy may nghĩ đến hàng triệu, hàng triệu công nhân Mỹ bị bỏ lại phía sau. Tầng lớp trung lưu của chúng ta đã bị tước mất tài sản, nhà cửa, để chia lại trên khắp thế giới. Nhưng đó là quá khứ. Bây giờ chúng ta sẽ chỉ hướng đến tương lai"¹.

Đó là lời giải thích rõ ràng và rất thực tế của Tổng thống Trump về nguyên nhân cho một sự thay đổi mang tính đột phá, không thương tiếc những cái cũ, cho dù mới hình thành - một sự thay đổi chưa từng thấy trong lịch sử Hoa Kỳ.

Nhưng việc Tổng thống D. Trump lên tiếng trên Twitter về việc "Trung Quốc "xây các tổ hợp quân sự khổng lồ ở Biển Đông" và tuyên bố chung giữa Tổng thống Donald Trump và Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe là minh chứng cho sự tái khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì trật tự hàng hải dựa trên luật pháp quốc tế, bao gồm tự do hàng hải và hàng không; phản đối việc đe dọa, cưỡng ép và sử dụng vũ lực; kêu gọi các bên kiềm chế tránh leo thang căng thẳng, bao gồm không quân sự hóa tiền đồn và hành động phù hợp với luật pháp quốc tế"².

¹ <https://www.voatiengviet.com/a/dien-van-nham-chuc-cua-tong-thong-donald-j-trump/3685348.html>

² <http://baoquocte.vn/chinh-sach-bien-dong-cua-chinh-quyen-trump-binh-moi-ruou-co-moi-44375.html>

Hai nhân vật khác trong nội các là Ngoại trưởng Rex Tillerson và Bộ trưởng Quốc phòng James Mattis cũng thể hiện rõ quan điểm mang tính nền tảng và cơ bản, bao gồm lợi ích quốc gia của Mỹ trong vấn đề Biển Đông; ủng hộ giải quyết hòa bình tranh chấp, duy trì trật tự quốc tế dù không đứng về bên nào; ủng hộ đảm bảo tự do hàng hải, hàng không...

Từ khi nhậm chức cho đến nay, Mỹ không hề bỏ biển Đông. Mỹ có lợi ích chiến lược ở Biển Đông, không thể đánh đổi được. Đúng là thương mại hàng hải của Mỹ qua Biển Đông không quá lớn nhưng đó chỉ là lợi ích bề nổi. Lợi ích chiến lược nhất khiến Mỹ không thể để Trung Quốc độc chiếm vùng biển này là ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mỹ đã dày công xây dựng chuỗi đảo thứ nhất trải dài suốt từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan để bao vây Trung Quốc. Nếu để Hải quân PLA độc chiếm được biển Đông thì họ có thể dễ dàng vươn ra Thái Bình Dương mênh mông, trở thành đối trọng với Hải quân Mỹ. Mặt khác, việc để Trung Quốc độc chiếm Biển Đông chẳng khác gì hạ thấp uy tín của Mỹ đối với các đồng minh và đối tác trong khu vực, Mỹ lấy gì ra để các nước nhỏ hơn tin mình mà không ngả theo phía Trung Quốc, quyền lực mềm và địa vị của Mỹ trong khu vực và sau đó là trên toàn thế giới sẽ mất đi và sẽ bị thách thức nghiêm trọng bởi Trung Quốc.

Như vậy là Trump không thể rút bỏ hết vốn liếng mà nước Mỹ đã bỏ ra dưới thời của Obama, chiến lược "xoay trục sang châu Á" là hoàn toàn nghiêm túc. Tuyên bố trong thời gian tranh cử là một chuyện, thi hành chính sách quốc gia là câu chuyện khác. Trump sẽ tiếp tục đảm bảo chính sách nhất quán của nước Mỹ qua các đời tổng thống mà thôi, có chăng cách thức thực hiện sẽ khác.

Một trong những động thái cứng rắn gần đây của chính quyền Mỹ là việc Tổng thống Trump đã phê duyệt kế hoạch tròn một năm cho phép hải quân Mỹ tiến hành các hoạt động tự do hàng hải ở biển Đông nhằm chống lại tuyên bố chủ quyền phi pháp của Trung Quốc tại biển Đông (7-2017). Điều mà dưới thời tổng thống Obama, Mỹ đã đình chỉ các hoạt động tuần tra vì tự do hàng hải trong suốt 3 năm (2012-2015), còn trong năm 2016, Mỹ chỉ có ba cuộc tuần tra. Kể từ khi Trump nắm quyền, trong khoảng thời gian 6 tháng, Mỹ cũng đã thực hiện tới 3 cuộc tuần tra.

Kế hoạch của tổng thống Trump không chỉ gây sức ép lên các nỗ lực của Trung Quốc gia tăng sự hiện diện quân sự ở vùng biển bằng cách xây đảo nhân tạo, mà còn là một thách thức đối với những tuyên bố đòi chủ quyền biển của Trung Quốc về hầu hết Biển Đông và các nỗ lực của nước này nhằm bác bỏ những tuyên bố chủ quyền, quyền chủ quyền của 5 nước khác, gồm có Việt Nam, Malaysia, Indonesia, Brunei và Philippines. Khi một nước đưa ra tuyên bố chủ quyền biển quá đáng, hải quân Mỹ thách thức lại bằng cách điều tàu, thường là khu trục hạm nhằm duy trì phù hợp hơn đồng thời thể hiện những quyền tự do hàng hải trong lãnh hải với các đảo nhân tạo để vô hiệu hóa tuyên bố của Trung Quốc.

1.2.3. Mỹ - Trung với vấn đề biển Đông

Trong những năm qua, chính sách của Mỹ đối với Biển Đông có sự thay đổi và phát triển nhằm phản ứng lại với tình hình gia tăng căng thẳng đối với các tranh chấp, đặc biệt là đối với các hành vi của Trung Quốc. Mặc dù Mỹ không đứng về bên nào trong các yêu sách về chủ quyền, tuy nhiên Mỹ vẫn tăng cường can dự để bảo vệ tự do hàng hải, hàng không, duy trì luật pháp quốc tế. Do Trung Quốc là quốc gia có sức mạnh trên biển lớn nhất so với các quốc gia yêu sách còn lại, nên nước này yêu sách tất cả các thực thể ở Biển Đông và duy trì sự mập mờ liên quan đến ý nghĩa và tình trạng pháp lý của đường 9 đoạn, vì thế chính sách của Mỹ chủ yếu là nhằm phản ứng lại những hành vi của Trung Quốc hơn là các quốc gia yêu sách khác.

Hiện nay và trong tương lai, Biển Đông sẽ vẫn là vấn đề mang tính trung hạn trong mối quan hệ Mỹ - Trung, nếu không muốn nói là lâu dài. Những tranh chấp nổi cộm về vấn đề chủ quyền khó có khả năng được giải quyết trong một sớm một chiều. Có vẻ như không bên yêu sách nào sẵn sàng thỏa hiệp yêu sách chủ quyền nhằm tìm kiếm một giải pháp giải quyết cuối cùng, thậm chí phạm vi những yêu sách quyền tài phán trên biển sẽ vẫn còn mập mờ, chẳng hạn như với Trung Quốc, Đài Loan. Do vậy, tranh chấp ở Biển Đông sẽ vẫn là vấn đề an ninh khu vực trong thời gian tới. Cố gắng tốt nhất mong muốn có thể đạt được là một thỏa thuận duy trì nguyên trạng về vấn đề kiểm soát đối với các thực thể đảo, và các biện pháp hạn chế sự tranh chấp trong các yêu sách quyền tài phán biển. Bên cạnh đó, để giảm bớt gia tăng căng thẳng nhất là khi Trung Quốc và các bên yêu sách khác vẫn nỗ lực không ngừng nhằm khẳng định yêu sách của mình sẽ gây ra một thời kỳ, thì cần thiết phải có sự can dự liên tục của Mỹ hòng kiểm soát các căng thẳng.

“Biển Đông sẽ đóng vai trò như thế nào trong mối quan hệ Mỹ - Trung khó có thể tiên đoán trước, bởi nó phụ thuộc cơ bản vào việc các tranh chấp sẽ diễn biến như thế nào theo thời gian. Tuy nhiên, việc duy trì sự cân bằng đối với vấn đề chủ quyền và sự can dự kiểm soát căng thẳng tranh chấp sẽ là một nhiệm vụ cấp thiết”¹. Để duy trì sự cân bằng này, như quan điểm của Jeff Bader đã đưa ra, “Mỹ cần phải duy trì tầm quan trọng trong vấn đề tuân thủ các quy định quốc tế về yêu sách chủ quyền và cách thức giải quyết các yêu sách đó”².

Như vậy, mục tiêu và các bước triển khai chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc trong vấn đề Biển Đông vẫn là kiềm chế, ngăn chặn Trung Quốc, không để nước này tăng cường sức mạnh đến mức có thể đe dọa các lợi ích của Mỹ, nhưng đồng thời vẫn coi trọng tính ổn định tương đối của mối quan hệ song phương, không để bất đồng trong vấn đề Biển Đông gây tổn hại đến quan hệ hai nước.

¹ <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/4238-chinh-sach-cua-my-doi-voi-tranh-chap-bien-dong-tu-1995-den-nay>

² <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/4238-chinh-sach-cua-my-doi-voi-tranh-chap-bien-dong-tu-1995-den-nay>.

Về phía mình, trong quan hệ với Mỹ: “các quốc gia Đông Nam Á có thể tận dụng những ảnh hưởng có được từ vai trò của Mỹ tại Biển Đông để tạo thêm thế và lực trong đòi hỏi chủ quyền chính đáng của mình, trong đó có việc sử dụng Mỹ như một kênh ngoại giao quan trọng để đa phương hóa, quốc tế hóa vấn đề Biển Đông”¹. Tuy nhiên, các nước trong khu vực tranh chấp biển Đông không nên dựa vào Mỹ để đòi được chủ quyền.

1.3. Tranh chấp khu vực giữa 5 nước và 6 bên ngày càng căng thẳng và phức tạp gây quan ngại cho các nước trong khu vực và trên thế giới

Tranh chấp trên Biển Đông diễn ra dưới nhiều hình thức: giữa 2 nước (tranh chấp về quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc; phân định chủ quyền những vùng biển chồng lấn khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, giữa Việt Nam và Malaysia; giữa Việt Nam và Indonesia...); giữa 5 nước 6 bên như tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa giữa Việt Nam với Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan; những vấn đề liên quan đến lợi ích của cả các nước ngoài khu vực: vấn đề hoà bình, ổn định và tự do, an ninh, an toàn hàng hải trong khu vực liên quan đến quốc tế...

Về tranh chấp khu vực giữa 5 nước và 6 bên hiện nay như sau:

Trung Quốc: Trung Quốc yêu sách chủ quyền đối với cả hai quần đảo bằng việc vẽ đường đứt khúc 9 đoạn trên Biển Đông, trên bản đồ Nam Hải chú đảo do Trung Hoa dân quốc xuất bản năm 1947 và được Cộng hòa nhân dân Trung Hoa in lại năm 1950, bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Mặc dù bị hầu hết các nước có yêu sách và lợi ích liên quan trong khu vực phản đối nhưng qua việc theo dõi các động thái trên biển và trên các phương tiện tuyên truyền của Trung Quốc, có thể thấy Trung Quốc ngày càng thể hiện rõ và từng bước thực hiện yêu sách này. Trong thời gian gần đây Trung Quốc đã liên tục ban hành nhiều văn bản pháp luật để cụ thể hoá các yêu sách của mình trên Biển Đông. Hiện nay, Trung Quốc chiếm giữ 7 bãi ngầm thuộc quần đảo Trường Sa.

Philippin: Philipin công bố Sắc lệnh 1596 (2-1979) về vùng Kalayaan, theo đó hầu hết quần đảo Trường Sa (trừ đảo Trường Sa) là lãnh thổ của Philipin và được sáp nhập vào tỉnh Palawan. Lập luận của Philipin về việc xác định vùng Kalayaan là tính kế cận và quyền lợi an ninh quốc phòng của Philipin đối với quần đảo này. Hiện nay, Philipin đang chiếm đóng 9 đảo, đá thuộc quần đảo Trường Sa.

Malaysia: Ngày 02-12-1979, Malaysia xuất bản bản đồ qui định về phạm vi lãnh hải và ranh giới thềm lục địa, theo đó một phần phía Nam quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Malaysia. Hiện nay, Malaysia đang chiếm giữ 5 đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

¹ <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/277-chinh-sach-bien-dong-cua-my-hien-nay.html>.

Đài Loan: Ngày 21-5-1992, Đài Loan thông qua một đạo luật tuyên bố chủ quyền và lãnh hải, theo đạo luật này toàn bộ quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Đài Loan. Hiện nay, Đài Loan đang chiếm đóng trên đảo Ba Bình, là đảo có diện tích lớn nhất trong quần đảo Trường Sa. Tháng 8-2003, Đài Loan đã cho cắm cờ trên bãi Bàn Than (bãi đá san hô nửa nổi nửa chìm, rộng khoảng 400m, dài khoảng 200m thuộc quần đảo Trường Sa, nằm cách đảo Ba Bình khoảng 4 km về phía Đông và cách đảo Sơn Ca khoảng 6,5 km về phía Tây) và mới đây, ngày 23-3-2004, phía Đài Loan đã xây dựng một nhà cao chân trên bãi này. Như vậy, đến nay Đài Loan đang chiếm giữ một đảo và một bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa.

Brunei: Năm 1993, Brunei đưa ra Tuyên bố về ranh giới thềm lục địa 200 hải lý nhưng chưa đưa ra toạ độ cụ thể. Tuy nhiên, phần chồng lấn với Việt Nam và Malaysia trên quần đảo Trường Sa tương đối nhỏ, không ảnh hưởng đáng kể tới tranh chấp. Brunei cũng là nước duy nhất trong các bên yêu sách không chiếm giữ vị trí nào trong quần đảo Trường Sa. Những yêu sách này ngày càng phức tạp bởi tranh chấp về quyền đối với vùng biển được xác định từ các thực thể cụ thể; việc phân định các vùng biển; và khả năng các quốc gia có thể ngăn cản hoạt động của các tàu quân sự trong vùng biển của mình. Các tranh chấp này có ảnh hưởng rất lớn bởi tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Trung Quốc, Mỹ và các quốc gia khác và còn bởi khu vực này cũng là tuyến đường biển quan trọng để các tàu quân sự trung chuyển giữa Châu Á, Trung Đông và Châu Âu.

Sự gia tăng hoạt động với tư cách là một nước lớn của Trung Quốc và sự quan tâm của các nước lớn khác đã và đang tạo ra những phức tạp lớn về an ninh ở khu vực Biển Đông. Đặc biệt, khi Trung Quốc tiến hành xây dựng, tôn tạo đảo, bãi ngầm ở ạt và quân sự hóa vùng biển này, đồng thời tuyên bố chủ quyền hầu hết Biển Đông, một trong những “huyết mạch giao thương hàng hải” của thế giới, tình hình càng trở nên phức tạp, căng thẳng.

Do vậy, việc giải quyết tranh chấp ở biển Đông là một nhu cầu khách quan và cấp bách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay trong việc xây dựng và củng cố mặt trận pháp lý nhằm bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp của quốc gia ở biển Đông.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG

2.1. Chủ trương của Đảng

Bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc không chỉ thể hiện tư duy của Đảng ta trong các nghị quyết đại hội mà còn trở thành một trong những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Ngày trước ta chỉ có đê và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”. Vì vậy, trong suốt tiến trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung, lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay nói riêng, Đảng ta luôn quan tâm đến việc phát huy lợi thế của đất nước về biển, kết hợp với phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, coi đó là một trong những động lực cơ bản cho sự phát triển bền vững của đất nước. Đại hội lần thứ VII (6-1991) của Đảng chỉ rõ: Từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải đảo, làm chủ lãnh hải và thềm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế. Đến Đại hội lần thứ VIII (6-1996), Đảng tiếp tục xác định: “Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh, quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển, ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc”¹.

Đại hội IX (4-2001), Đảng ta chủ trương: “Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu kilômét vuông thềm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển”².

Tại đại hội X (4-2006), Đảng ta khẳng định: “Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế... Nhanh chóng phát triển kinh tế-xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh”³. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) (9-2-2007) về “Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020” xác định: “Phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 211.

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.181-182.

³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 225.

giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh. Xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học-công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh... Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53% - 55% tổng GDP của cả nước. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển”¹.

Mặt khác, để tiếp tục phát huy các tiềm năng của biển trong thế kỷ 21, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9-2-2007 “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, trong đó nhấn mạnh “Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”. Nghị quyết đã xác định các quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020:

Một là, nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường, kết hợp giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ba là, khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực bên trong; tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XI (1-2011) của Đảng nhấn mạnh: “Mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển, đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...”². Đồng thời, Đảng ta chủ trương: “Phát triển mạnh kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo”³. Quan điểm, chủ trương của Đảng về phát huy lợi thế kết hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam không chỉ thể hiện sự phát triển năng lực tư

¹ Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 76.

² Văn kiện đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.121-122.

³ Văn kiện đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011, tr.125.

duy lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình mới, mà còn là ý chí, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam trước bối cảnh quốc tế phức tạp như hiện nay.

Về chủ trương giải quyết tranh chấp liên quan biển, đảo, Luật Biển Việt Nam (21-6-2012) nêu rõ: Nhà nước Việt Nam giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hoà bình, phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Với việc thông qua Luật Biển Việt Nam, chúng ta đạt kết quả là làm cho các quy định luật pháp quốc gia của nước ta hài hòa với các quy định của luật biển quốc tế, cụ thể là Công ước Luật Biển năm 1982. Điều này cùng với việc khẳng định chủ trương giải quyết các tranh chấp biển, đảo bằng các biện pháp hoà bình cũng như tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế và khu vực về các vấn đề trên biển đã cho thấy: Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế; đồng thời, thể hiện quyết tâm của nhà nước ta phấn đấu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và trên thế giới.

Từ khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng biển Việt Nam việc bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo đối với nước ta càng đặt ra yêu cầu cao hơn trong mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm của Đảng ta trong xử lý các mối quan hệ quốc tế và khu vực là phải luôn tỉnh táo, bình tĩnh, khôn khéo, không bị kích động, xúi giục gây xung đột vũ trang, chiến tranh; giải quyết mọi vấn đề bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực. Vì vậy, trước sự biến đổi khôn lường của tình hình thế giới, khu vực và trên biển Đông thời gian qua, nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ đất nước nhất là an ninh trên biển trở thành nhiệm vụ nặng nề, đặt trước nhiều khó khăn, thách thức. Phát huy lợi thế kết hợp với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam đang trở thành nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Tại Đại hội XII (1-2016), Đảng ta có tầm nhìn sâu, rộng hơn về không gian và thời gian bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh thế giới, khu vực, nhất là Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp mới rất khó đoán định, không thể giải quyết thỏa đáng những tranh chấp trong một sớm, một chiều, nên Đảng ta xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Cũng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng”¹.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 78-79.

Đặc biệt, cũng Đại hội này, Đảng ta nhân mạnh: “Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế”. Đây là một chủ trương đúng, phù hợp với xu thế thời đại và cộng đồng quốc tế. Đồng thời, làm thất bại mọi chiêu bài của các thế lực thù địch hòng lợi dụng lòng yêu nước, kích động các tầng lớp nhân dân đi ngược lại đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Trong bối cảnh tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp, Đại hội XII của Đảng khẳng định Việt Nam cần tiếp tục kiên trì “đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹; phát huy vai trò của kênh ngoại giao đa phương trong việc thúc đẩy các lợi ích quốc gia trong quan hệ song phương với các đối tác, đồng thời gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh quốc phòng, bảo đảm được độc lập, chủ quyền, tự chủ, hòa bình và ổn định cho phát triển.

2.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam

2.2.1. Khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Biển Đông bao gồm có hai chuỗi đảo lớn: Trường Sa và Hoàng Sa. Hoàng Sa hiện đang ở diện tranh chấp giữa Trung Quốc và Việt Nam trong khi Trường Sa là đối tượng tranh chấp toàn bộ hoặc một phần của Brunei, Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Philippines và Việt Nam. Cuộc tranh chấp đã kéo dài từ rất lâu nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được, và ngày càng trầm trọng hơn. Nhất là từ khi “Luật Biển” (UNCLOS) ra đời, tầm quan trọng của 2 quần đảo tăng thêm, bởi quốc gia nào có được quần đảo này không những được hưởng lãnh hải quanh đảo mà cả vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa quanh quần đảo. Tuy nhiên, vấn đề phân chia lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa các quốc gia chưa thực hiện được khi chưa biết hai quần đảo này thuộc về ai. Vì vậy, vấn đề xác định chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa càng quan trọng.

Quan điểm của Việt Nam về chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa qua các thời kỳ lịch sử

Quần đảo Hoàng Sa gồm khoảng 30 đảo nhỏ, đá và bãi nửa nổi nửa chìm, trong khoảng vĩ độ 16° – 17° Bắc và kinh độ 111° – 113° Đông trên một vùng biển rộng khoảng 16000 km². Quần đảo Trường Sa nằm trong khoảng vĩ độ 12° – 4° Bắc và kinh độ 109° – 118° Đông, bao gồm hàng trăm đảo, đá, bãi nửa nổi nửa chìm trải trên vùng biển rộng gấp 10 lần vùng biển của quần đảo Hoàng Sa, khoảng 160000 và 180000 km². Hai quần đảo này còn có một số lượng lớn bãi ngầm và bãi san hô. Khoảng cách từ quần đảo Hoàng Sa đến điểm gần nhất của đất liền Việt Nam (cảng Đà Nẵng) là 170 hải lý và đảo Hải Nam Trung Quốc là 160 hải lý. Quần đảo Trường Sa cách Vịnh Cam Ranh (Việt Nam) 250 hải

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.72.

lý và cách Đảo Hải Nam Trung Quốc 520 hải lý¹.

Một là, xác lập và thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (trước năm 1884)

Hành động mang danh nghĩa nhà nước để thực thi quyền sở hữu Hoàng Sa và Trường Sa lần đầu tiên được ghi lại trong các tài liệu lịch sử chính thức dưới thời nhà Nguyễn đầu thế kỷ XVII, và sau này trong các ghi chép của phương Tây và Trung Quốc. “Trong nhiều thế kỷ trước, quần đảo Trường Sa được gộp chung với quần đảo Hoàng Sa. Người Việt Nam gọi là Bãi Cát Vàng, Hoàng Sa, Đại Trường Sa, Vạn Lý Trường Sa... sau này mới gọi là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa”².

Theo các thư tịch cổ, ít nhất là từ thế kỷ XVII, nhà nước Việt Nam đã phát hiện, chiếm hữu và làm chủ thực sự đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Nhà Nguyễn và Tây Sơn là những triều đại đầu tiên thực hiện chức năng nhà nước đối với những hòn đảo này.

Điều này được ghi chép trong các bộ chính sử. Trong các cuốn sách: *Toàn tập thiên nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá, tự Công Bảo soạn năm 1686, và các tài liệu khác, trong đó quan trọng nhất là các bộ biên niên sử do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn, bao gồm: *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* (1600-1775) và *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (1865-1882), *Đại Nam Nhất Thống Chí* (1865-1882), *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* (1843-1851), *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú (1821), *Hoàng Việt Địa Dư Chí* (1833), *Việt Sử Cương Giám Khảo Lược* (1876), ... Các hoạt động, tổ chức, và thời gian hoạt động các đội Hoàng Sa và Bắc Hải trong quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được mô tả một cách chi tiết và sống động. Trong đó có nhiều đoạn nói về việc các thuyền của Đội Hoàng Sa mới đi vào cửa Eo (Thuận An) và nộp sản vật tại chính dinh Phú Xuân.

Đặc biệt từ thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn đã thực thi nhiều biện pháp tích cực để thực hiện chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo. Trong sách *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* ghi chép lại rằng các vua nhà Nguyễn liên tục cử quan quân, phái binh thuyền đi Hoàng Sa để nghiên cứu đường biển, đo đạc thủy triều, vẽ bản đồ, trồng cây, dựng miếu, lập bia... Năm 1816, vua Gia Long “... sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa xem xét, đo đạc thủy trình”³. Những hoạt động này trở thành lệ thường năm và được ghi trong tờ tâu của Bộ Công dâng lên các đời vua Nguyễn.

Ngoài các bộ chính sử, các nguồn tài liệu của Việt Nam liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa còn bao gồm các châu bản (các sắc chỉ với bút tích, ý chỉ, chữ ký của vua

¹ Dẫn theo: Nguyễn Hồng Thao (2013), Sđd, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.4, Chú thích 8 (*Sách trắng Bộ Ngoại giao Việt Nam năm 1988, The Hoang Sa (Paracel) and Truong Sa (Spratly,)* Archipelagoes and International Law 32(1988).

² *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung* (1996), NXB Đà Nẵng, tr.118.

³ Dẫn theo: *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung*, Sđd, tr.121, Chú thích 2. (*Đại Nam thực lục chính biên*, quyển 50 từ 6a).

bằng mực đỏ và con dấu), tài liệu địa dư và bản đồ, gia phả, bộ sưu tập của các bài hát dân gian, và tập quán. Tất cả những nguồn tài liệu này được bảo tồn cho đến ngày nay ở đảo Lý Sơn, căn cứ hải quân chính của đội Hoàng Sa. Tại Viện Ngôn ngữ Hán-Nôm có thể tìm thấy hàng tá bản tấu của Bộ Hộ, Bộ Công và các cơ quan khác của các nhà vua về việc thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa dưới triều Nguyễn¹.

Monique Chemillier Gendreau, học giả người Pháp, sau khi nghiên cứu những tài liệu này đã khẳng định: “Các hoàng đế có quan tâm đến việc khai thác hai quần đảo đã giải quyết vấn đề bằng cách đặt hai đội hoạt động ở các địa điểm khác nhau nhưng dưới một sự chỉ đạo chung”².

Trong những năm đầu lên ngôi, vua Gia Long đã chú ý đến việc vẽ bản đồ lãnh thổ. *Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên* và các ghi chép lịch sử khác đã hỗ trợ cho việc vẽ bản đồ này. Năm 1985, vua Gia Long đã ra lệnh cho Phạm Quang Ảnh thuộc hải đội Hoàng Sa “đến Hoàng Sa để nghiên cứu và vẽ các tuyến đường biển”. Vào năm Bính Tý, triều đại Gia Long thứ 15 (năm 1816), nhà vua ra lệnh cho hải quân và hải đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để nghiên cứu và đo chiều dài các tuyến đường biển. Chương trình này đã được tiếp tục thực hiện bởi vua Minh Mạng. Hướng dẫn chi tiết được ghi trong bản đồ. *Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên* đã ghi chép lại hướng dẫn năm 1836 như sau:

“Tất cả phải được ghi chép và miêu tả chi tiết để nộp cho nhà vua, hàm khi thuyền đến nơi, không cứ là đảo nào, bãi nào, tức là chiều chỗ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng chu vi và nước biển bốn bên xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở bình dị thế nào, phải xem xét, đo đạc kỹ càng, vẽ thành bản đồ”³.

Các miếu thờ và bia mốc chủ quyền được dựng lên và cây cối được trồng thể hiện chủ quyền. *Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên* viết: “Trong tháng thứ 8, vào mùa thu của năm Quý Ty, năm thứ 14 của triều đại Minh Mạng (1833)... nhà vua nói với Bộ Công: Dải Hoàng Sa trong hải phận Quảng Nghĩa, xa trông trời nước một màu không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường bị nạn. Nay nên dự bị thuyền bè đến

¹ Vua Minh Mạng đã phê chuẩn bản tấu của Bộ Công ngày 12-2-1836 (Niên hiệu Minh Mạng thứ 17) và ra lệnh cho Suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật “đưa binh thuyền đi, chuẩn bị, mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi dựng lên làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, mặt bài khắc chữ “Năm Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ”. Sự kiện này được ghi chép trong cuốn *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, quyển số 165. Hoặc Bản tấu của phủ Quảng Ngãi ngày 19 tháng 7 (Niên hiệu Minh Mạng thứ 19) năm 1838 xin miễn thuế năm nay cho hai chiếc thuyền đã đưa dân binh đến Hoàng Sa đo đạc giáp vòng từ hạ tuần tháng 3 tới hạ tuần tháng 6.

Bản Tấu của Bộ Công ngày 28/12/1847 viết: “Hàng năm, vào mùa xuân theo lệ phái binh thuyền vãng thám Hoàng Sa thuộc hải cương nước nhà cho thành thực đường đi lối lại. Năm 1845 có Chi đình hoãn kỳ vãng thám 1846. Vì công vụ bận rộn, năm nay cũng xin được đình hoãn. Châu phê: “Đình hoãn”. Gia phả của họ Đặng và họ Phạm ở đảo Lý Sơn được gìn giữ cẩn thận có ghi những tay bơi trẻ khỏe được ra lệnh gia nhập đội Hoàng Sa.

² Chemillier Gendreau (1998), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.75.

³ Dẫn theo: Nguyễn Hồng Thao (2013), *Sđđ, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.15, Chú thích 52 (Xem Viện Lịch sử Quốc gia, 165:2 *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (Sách ghi chép về nước Đại Nam ngày nay, 1865-1882), Tập 165, phần. 2 (1848))

sang năm sẽ phá người tới dựng miếu, lập bia lại trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối tươi xanh, người dễ nhận biết, có thể tránh được nhiều mắc cạn. Đó là việc lợi ích muôn đời vậy...”¹.

Ngoài ra, trên hai quần đảo này cũng thường xuyên diễn ra thu thuế, bảo vệ ngư dân của vua Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và các hoạt động cứu trợ của Nhà Nguyễn cho các tàu thuyền nước ngoài tại những khu vực nguy hiểm cũng đã được ghi chép lại khá đầy đủ. Ít nhất nhất có hai trường hợp đã được ghi chép lại đó là trường hợp các tàu của Hà Lan: tàu Gootebrok, bị chìm năm 1634 tại vùng biển của quần đảo Hoàng Sa và ba tàu Hà Lan đi từ Nhật Bản đến Batavia vào năm 1714 gần quần đảo Hoàng Sa bị gặp bão. Tầu của Tuần phủ Đà Nẵng ghi năm thứ 11 triều đại Minh Mạng (1830) cho biết về hoạt động cứu trợ tàu buôn của Pháp bị chìm tại Hoàng Sa. *Quốc Triều Chinh Biên Toát Yếu* (Biên niên sử Triều Đại Quốc gia) vào năm 1836 ghi nhận, một tàu buôn của Anh bị chìm gần quần đảo Hoàng Sa. Hơn 90 thủy thủ từ tàu này đã cố gắng bơi được vào bờ biển Bình Định. Trong tất cả các trường hợp, các Chúa và Vua của triều Nguyễn đều giúp cho họ chỗ ở, tiền và thực phẩm trước khi quay về nước².

Việc đo đạc vẽ bản đồ về Hoàng Sa dưới triều Nguyễn đã được bắt đầu từ thời Gia Long 14 (1815), song đến đời Minh Mạng mới được thúc đẩy mạnh. Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) các viên giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Văn Hoàng vẽ họa đồ Hoàng Sa chưa chu tất đã bị phạt mỗi người 80 trượng. Tầu của Bộ Công vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836) cũng chỉ vẽ được một nơi và cũng chưa biết rõ nên làm thế nào.

Theo dụ vua Minh Mạng ngày 13 tháng 7 năm thứ 18 (1837), thủy quân đi Hoàng Sa vẽ thành đồ bản 11 nơi, tuy nhiên chưa được chu đáo lắm. Theo Tầu Bộ Công ngày 21 tháng 6 Minh Mạng thứ 19 (1838), thủy quân đệ trình sau khi đo đạc 3 nơi với 12 hai đảo đã vẽ được 4 bức đồ bản, 3 bức vẽ riêng và 1 bức vẽ chung, song cũng chưa vẽ rõ ràng lắm, Bộ Công phải yêu cầu vẽ lại tinh vi hơn³.

Thứ năm, các hành xử chủ quyền của Nhà nước Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng được ghi chép trong nhiều tác phẩm do các học giả nước ngoài viết, bao gồm cả các công trình nghiên cứu của Trung Quốc. J.B. Chaigneau, Cố vấn của Vua Gia Long đã viết hồi ký của mình như sau: “Nam Kỳ, thuộc quyền cai quản của Hoàng đế, bao gồm vùng đất chính của Nam Kỳ, Đông Kinh, một phần của vương quốc Campuchia, một số đảo không người ở không xa bờ biển và quần đảo Hoàng Sa, do những đảo nhỏ, ghènh và đá không có dân cư hợp thành. Chỉ đến năm 1816, Hoàng đế mới chiếm hữu

¹ Dẫn theo: Nguyễn Hồng Thao (2013), *Sđđ, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.15, Chú thích 53.

² Xem thêm: Nguyễn Hồng Thao (2013), *Sđđ, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.16-17, Chú thích 57, 58, 59

³ Lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa (<http://hoangsa.danang.gov.vn/index.php/gi-i-thi-u/l-ch-s-ch-quy-n/160-l-ch-s-xac-l-p-va-th-c-thi-ch-quy-n-c-a-vi-t-nam-tren-qu-n-d-o-hoang-sa-phan-i>)

quần đảo này”¹.

Thích Đại Sán, một vị cao tăng dưới triều đại Khang Hy, đã viết trong cuốn *Hải Ngoại Ký Sự* (Tập III) như sau: “Các bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm, chẳng biết bao nhiêu mà kể, được gọi là “Vạn Lý Trường Sa”, mù tít chẳng thấy có cây cối, nhà cửa. Các tàu thuyền bị trái gió trái nước tấp vào đáy dầu không tan nát cũng không gào, không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quãng ấy cách Đại Việt bảy ngày đường, chừng bảy trăm dặm. Các Quốc vương thời trước hàng năm sai thuyền đi đánh cá, đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc, khí cụ của các tàu thuyền hư hỏng dạt vào đây”².

Các sự kiện này được lấy từ các tài liệu lịch sử và các ghi chép của nhiều tác giả nước ngoài khác nhau, thể hiện rằng Chúa Nguyễn và các Vua của Việt Nam trong giai đoạn trước thuộc địa, có lợi ích cụ thể tại các quần đảo này và thực hiện các hoạt động chủ quyền tại đó khi không có một quốc gia nào khác thể hiện ý định chiếm các đảo này.

Việc tạo dựng chủ quyền và quản lý hành chính của các Chúa và Vua Nguyễn tại Hoàng Sa và Trường Sa có đủ hai yếu tố, ý định và thực tế, theo như yêu cầu về chiếm hữu đối với lãnh thổ vô chủ của luật pháp quốc tế³.

Việt Nam là chủ sở hữu của các quần đảo đó trước khi người Pháp đến. Heinzing đã nhận xét: “Nếu như thông tin lịch sử do Sài Gòn cung cấp là chính xác, chúng ta có thể chấp nhận với tư cách một quốc gia, Việt Nam dường như đang thể hiện có lợi ích rõ ràng tại quần đảo Hoàng Sa vào thời điểm trước khi Trung Quốc thể hiện”⁴.

Như vậy là trong suốt hơn hai thế kỷ, từ đầu thế kỷ XVII thời các chúa Nguyễn đến nửa đầu thế kỷ XIX thời nhà Nguyễn, Đới Hoàng Sa kiêm quản đội Bắc Hải, đã làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, thực hiện chủ quyền thật sự, liên tục và hòa bình đối với Hoàng Sa và Trường Sa

Hai là, quản lý, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa (1884 - 1945)

Với tư cách đại diện cho Việt Nam về đối ngoại theo Hiệp ước Patenôtre năm 1884, chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương đã tiếp tục cai quản và khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Những việc làm chính của họ là tiến hành các công việc: khảo sát nghiên cứu, khai thác, tuần tra, xây các cây đèn biển, đài khí tượng, đài vô tuyến điện; đưa quân ra đồn trú và thực hiện các đơn vị hành chính quản lý hai quần đảo, sáp nhập chúng vào các tỉnh ở đất liền.

¹ Dẫn theo: Nguyễn Hồng Thao (2013), Sđd, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.17, Chú thích 60.

² Dẫn theo: Nguyễn Hồng Thao (2013), Sđd, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.15-16, Chú thích 61.

³ Địa vị pháp lý của Đảo Eastern Greenland Case, tài liệu đã trích dẫn bên trên số 10, trang 45. Tài liệu viết: “Một yêu sách chủ quyền không chỉ dựa trên một vài hành động đặc biệt hay danh nghĩa như là một hiệp ước hay chuyển nhượng mà chỉ dựa vào việc thể hiện hành xử chủ quyền bao gồm hai nhân tố phải cùng tồn tại: ý định và mong muốn thực hiện chủ quyền và một số hành động thực tế của hành xử chủ quyền quốc gia. (Island of Palmas Case (Neth. v. U.S.), 2 R.I.A.A. (Perm. Ct. Arb. 1928); Maritime Delimitation and Territorial Questions between Qatar and Bahrain, 2001 I.C.J. (Mar. 16), tr.45)

⁴ Dẫn theo: Nguyễn Hồng Thao (2013), Sđd, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, (15), tr.18, Chú thích 63.

Trên cơ sở chủ quyền có từ lâu đời của Việt Nam đối với hai quần đảo, “ngày 4-12-1931 và 29-4-1932, Chính phủ Pháp liên tiếp gửi công hàm cho Trung Quốc khẳng định chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa”... Ngày 26-7-1933, trên Công báo, Chính phủ Pháp tuyên bố “hải quân Pháp đã chiếm được các đảo Trường Sa, An Bang, Ba Đình, Song Tử tây, Loại Ta, Thị Tứ cũng như các đảo nhỏ phụ thuộc”. Và “ngày 21-12-1933, Thống đốc Nam Kỳ Krautheimer ký Nghị định số 4762-CP sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Phía Trung Quốc không có ý kiến gì...”¹

Năm 1938, Chính phủ Pháp tiếp tục sáp nhập Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên và cho dựng bia ở đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa. Cột mốc ghi: “Cộng hòa Pháp, Vương quốc An Nam, quần đảo Hoàng Sa, 1816, đảo Hoàng Sa – 1938”².

Những hoạt động trên là cơ sở pháp lý khẳng định việc thực hiện quản lý hành chính, quản lý Nhà nước có chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ba là, tiếp tục khẳng định chủ quyền từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

Tuy Việt Nam đã giành được độc lập từ năm 1945 và không còn ràng buộc vào hiệp định Patenôtre (1884) với Pháp, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ (6-3-1946), Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc về Pháp, nên Pháp vẫn thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại xâm phạm chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Mặt khác, trong các Hội nghị quốc tế: Cairo (27-11-1943), Hội nghị Postdam (26-7-1945), Hiệp ước San Francisco (8-9-1951) cũng tuyệt nhiên không có một lời nào nói rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc. Do đó, sau hiệp định Giơnevơ (1954), chính quyền Sài Gòn quản lý miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào, kể cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và thực hiện chủ quyền đối với hai quần đảo này là hoàn toàn hợp pháp.

Ngày 22-8-1956, hải quân Việt Nam cộng hòa đến Trường Sa và dựng bia thể hiện chủ quyền. Với Nghị định 143-VN ngày 20-10-1956, quần đảo Trường Sa đã được sáp nhập vào tỉnh Phước Tuy. “Ngày 13-7-1961, chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam (trước thuộc tỉnh Thừa Thiên) và lập tại đây một đơn vị hành chính gọi là xã Định Hải, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Trong những năm 1961-1963, chính quyền Sài Gòn lần lượt cho xây bia chủ quyền ở các đảo chính ở các đảo Trường Sa: Trường Sa, An Bang, Song Tử Tây, Song Tử Đông, Thị Tứ và Loại Ta”³.

Cho nên việc Trung Quốc liên tục có những hành động xâm lược trên hai quần đảo này là xâm chiếm bằng vũ lực chứ không phải là thực hiện quyền chủ quyền. Lần thứ nhất là sau chiến tranh thế giới thứ hai, Cộng hòa Trung Hoa chiếm phần phía đông của quần đảo

¹ Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung, Sđd, tr.126-127.

² Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung (1996), Sđd, tr.127

³ Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung (1996), Sđd, tr.130.

Hoàng Sa và Itu Aba (đảo Ba Bình theo tiếng Việt), một đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Cùng thời gian, Pháp và Chính quyền Bảo Đại tái chiếm phần phía tây của Hoàng Sa và một số đảo của Trường Sa. Phần phía đông của Hoàng Sa thuộc quyền quản lý của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa từ năm 1956. Phần phía tây của Hoàng Sa bị Trung Quốc sử dụng vũ lực chiếm vào năm 1974, là lần thứ hai. Lần thứ ba là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa sử dụng vũ lực chiếm được quyền kiểm soát một số đảo tại Trường Sa năm 1988. Kể từ đó, Trung Quốc đã mở rộng kiểm soát lên đến 9 đảo đá tại khu vực quần đảo Trường Sa.

Những hành động xâm chiếm Hoàng Sa, Trường Sa của Trung Quốc là hành động vi phạm pháp luật và không có giá trị mang lại chủ quyền cho Trung Quốc. Giáo sư Ferrier Jean Pierre, Trường Đại học Luật, Kinh tế và Khoa học xã hội Paris nhận xét: “Đó là hành động vi phạm trắng trợn các quy tắc ngăn cản việc dùng vũ lực và việc xâm chiếm lãnh thổ bằng vũ lực ... Việc xâm chiếm này về nguyên tắc là phi pháp”... Ông khẳng định: “Hành động xâm chiếm bằng quân sự của Trung Quốc không giải quyết được vấn đề pháp lý”. Bởi lẽ, theo luật pháp quốc tế, xâm lược không đưa lại chủ quyền¹.

Sau những biến cố trên ở Hoàng Sa và Trường Sa, ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng và thống nhất đất nước, Chính phủ Việt Nam tiếp tục quản lý, bảo vệ và thực hiện chủ quyền đối với hai Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 5-6-1976, Người phát ngôn Bộ ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và có quyền bảo vệ chủ quyền đó.

Ngày 12-5-1977, Chính phủ Việt Nam ra Tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, trong đó đã khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam có các vùng biển và thềm lục địa riêng. Đoạn 5 của Tuyên bố viết: các đảo và quần đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam ở ngoài vùng lãnh hải nói ở Điều 1 đều có lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa riêng như đã quy định trong các điều 1, 2, 3, và 4 của Tuyên bố này.

Ngày 9-12-1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định nâng đơn vị hành chính hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, huyện Trường Sa sáp nhập vào tỉnh Phú Khánh. Ngoài ra, Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh các hoạt động khai thác, thăm dò, thực hiện chủ quyền của Việt Nam, kiên quyết phản đối mọi hành vi xâm phạm chủ quyền đối với hai quần đảo và bày tỏ thiện chí giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa bình.

Tiếp đó, Quốc hội Việt Nam ra Nghị quyết phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển 1982 (28-11-1987), trong đó khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2

¹ Dẫn theo: *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung* (1996), *Sđd*, tr.134. Chú thích 1.

quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình với các nước có liên quan. Quốc hội còn nhấn mạnh cần phân biệt vấn đề tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa với vấn đề phân định các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia theo đúng các tiêu chuẩn của Pháp luật quốc tế.

Năm 1988, trước vụ việc Trung Quốc dùng vũ lực chiếm đóng một số đảo tại Trường Sa, Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên Hợp quốc, gửi nhiều công hàm phản đối đến Bắc Kinh và đặc biệt là các Công hàm ngày 16, 17, 23-3-1988 đề nghị hai bên thương lượng giải quyết vấn đề tranh chấp. Nhưng Trung Quốc tiếp tục chiếm giữ các bãi đá đã chiếm được và khước từ thương lượng. Ngày 14-4-1988, Bộ Ngoại giao cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phản đối việc Quốc hội Trung Quốc sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào tỉnh Hải Nam (nghị quyết ngày 13-4-1988 thành lập tỉnh Hải Nam).

Để khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố Sách Trắng "Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và Luật pháp quốc tế" (4-1988); phản đối việc Trung Quốc dựng bia chủ quyền ở Hoàng Sa, lên án việc làm này đã vi phạm chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa (28-12-2006); nêu rõ quan điểm của Việt Nam đối với 2 văn bản do Philippines và Trung Quốc gửi lên Tổng Thư ký Liên Hợp quốc (3-5-2011) và khẳng định 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với 2 quần đảo này; ra mắt "Kỷ yếu Hoàng Sa" của Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Sa (19-1-2012), trong đó giới thiệu khái quát các thông tin, tư liệu về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử chủ quyền, các hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Sa, ghi lại hình ảnh và hồi ức, tâm nguyện của các nhân chứng lịch sử đã từng sinh sống và làm việc trên quần đảo Hoàng Sa.

Những sự kiện lịch sử trên là cơ sở vững chắc để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhiều học giả quốc tế nghiên cứu về Hoàng Sa, Trường Sa và luật gia quốc tế nổi tiếng cũng thừa nhận các chứng cứ của Việt Nam là có giá trị pháp lý. Xin dẫn một nhận xét của Giáo sư Charles Rousseau – Trường Đại học Luật Paris, ủy viên Viện Luật quốc tế: “Trên thực tế các mối quan hệ lịch sử lâu đời và vị trí địa lý gắn gũi là hai danh nghĩa quan trọng mà Việt Nam có thể nêu ra và họ đã làm điều đó... Nhưng một danh nghĩa như vậy chỉ có giá trị nếu nó dựa vào việc chiếm hữu thực sự, cụ thể mà nước Việt Nam là nước duy nhất có thể thực hiện được ở đây hoặc là có khả năng vận dụng hơn tất cả các bên khác”¹.

¹ Dẫn theo: *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung* (1996), Sđd, tr.131-132. Chú thích 1.

Như vậy, thông qua việc khái quát về quá trình xác lập, thực thi, khai thác, quản lý, bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong các giai đoạn khác nhau, với biết bao thăng trầm của lịch sử, Việt Nam có đủ các bằng chứng pháp lý và cứ liệu lịch sử có giá trị để chứng minh và bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đúng như lời tuyên bố lịch sử của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa 13 (25-11-2011): “Lập trường nhất quán của chúng ta là quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chúng ta có đủ căn cứ lịch sử và pháp lý để khẳng định điều này. Nhưng chúng ta chủ trương đàm phán giải quyết đòi hỏi chủ quyền bằng biện pháp hòa bình. Chủ trương này phù hợp với Hiến chương Liên Hợp quốc, phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982”.

2.2.2. Chủ trương giải quyết bằng biện pháp hòa bình

Đối với các bất đồng, tranh chấp trên Biển Đông, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là: Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước về Luật biển năm 1982 của Liên Hợp quốc, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm sớm tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của các bên, kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo, tiến tới xây dựng Biển Đông thành vùng biển hòa bình, hợp tác và phát triển.

Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế là một trong các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Các quốc gia có nghĩa vụ phải giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình thông qua các biện pháp phi vũ lực. Nguyên tắc này đã hình thành từ lâu, đặc biệt từ năm 1945 khi Hiến chương Liên hợp quốc ra đời: “Cùng với sáu nguyên tắc cơ bản khác, nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp được giải thích cụ thể trong Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia năm 1970 (Tuyên bố năm 1970) của Đại hội đồng Liên hợp quốc”¹.

Tuyên bố này được tòa án quốc tế và các học giả có uy tín xem là văn bản có giá trị giải thích Hiến chương Liên hợp quốc. Tiếp theo đó, Đại hội đồng đã thông qua một số nghị quyết khác về nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế, bao gồm Tuyên bố Manila về Hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế năm 1982 (Tuyên bố Manila) và Nghị quyết về Ngăn ngừa và hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế năm 2003².

¹Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc. <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/6492-nhin-lai-nguyen-tac-hoa-binh-giai-quiet-tranh-chap-va-van-de-bien-dong>. Chú thích 54[4].

²Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc, Sđd. Chú thích 55 [5] và 56[6].

Theo như những nguyên tắc trên thì các quốc gia có nghĩa vụ phải giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và trong mọi trường hợp không được sử dụng vũ lực. Các biện pháp cụ thể để giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế được liệt kê ở Điều 33 của Hiến chương Liên hợp quốc, bao gồm đàm phán, trung gian, hòa giải, điều tra, sử dụng các dàn xếp khu vực, các biện pháp tòa án, trọng tài và các biện pháp hòa bình khác. Các quốc gia có quyền tự do lựa chọn biện pháp mà họ thấy thích hợp.

Trong các biện pháp trên, đàm phán là biện pháp phổ biến nhất trong giải quyết hòa bình các tranh chấp. Giáo sư Merrills hoàn toàn đúng khi nhận định rằng biện pháp đàm phán được sử dụng thường xuyên hơn hẳn tất cả các biện pháp giải quyết tranh chấp cộng lại. Trong đàm phán, các bên có thể trao đổi quan điểm, đánh giá thông tin của nhau và có thể đạt được một giải pháp mà các bên tranh chấp có thể chấp nhận. Đàm phán đôi khi không chỉ nhằm giải quyết tranh chấp mà còn để ngăn ngừa xung đột có thể xảy ra; và trong trường hợp đó, các quốc gia thường lựa chọn một hình thức đàm phán đặc thù hơn – tham vấn¹.

So với các biện pháp tư pháp, đàm phán và các biện pháp ngoại giao khác thường được ưu tiên áp dụng hơn do có thể giải quyết tranh chấp trên cơ sở hợp tác và thấu hiểu giữa các bên. Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế (PCIJ) cho rằng “việc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp tư pháp chỉ đơn giản là một biện pháp thay thế cho việc giải quyết trực tiếp và hữu nghị giữa các bên; do đó Tòa cần phải tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể cho việc giải quyết trực tiếp và hữu nghị như thế”².

Ngoài ra trong giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế còn được coi như một nghĩa vụ và không được làm phức tạp tranh chấp. Điều này được ghi rõ trong điều 2(3) của Hiến chương và tập quán quốc tế: “Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc phải giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hoà bình”³ và trong Tuyên bố năm 1970 quy định: “4. Nghĩa vụ hạn chế hành động có thể làm xấu đi tình hình, gây nguy hiểm cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và phải hành động theo cách thức phù hợp với mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc”⁴.

Cơ sở để Đảng ta giải quyết tranh chấp bằng hòa bình trước hết là dựa vào Công ước Luật biển 1982. Đây là hiến pháp của biển, là cơ sở pháp lý chung cho việc giải quyết các tranh chấp biển, trong đó có phân định vùng biển và thềm lục địa chồng lấn giữa các nước xung quanh Biển Đông.

¹Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc, Sđd. Chú thích 59 [9] và 60[10].

²Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc, Sđd. Chú thích 62 [12].

³ Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc, Sđd.

⁴ Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc, Sđd.

Sau Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước Luật biển 1982 được đánh giá là văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, được nhiều quốc gia ký kết (107 quốc gia) và thông qua (30-4-1982). Công ước Luật biển 1982 có hiệu lực từ ngày 16-11-1994 (12 tháng kể từ ngày Guyana, nước thứ 60 phê chuẩn Công ước ngày 16-11-1993). Là một văn kiện pháp lý đa phương đồ sộ, bao gồm 320 điều khoản và 9 phụ lục, với hơn 1000 quy phạm pháp luật, Công ước Luật biển 1982 đã đáp ứng nguyện vọng và mong đợi của cộng đồng quốc tế về một trật tự pháp lý quốc tế mới đối với tất cả các vấn đề về biển và đại dương, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

Sau khi Công ước Luật biển 1982 ra đời, Quốc hội nước ta đã ra nghị quyết về việc phê chuẩn văn kiện pháp lý quan trọng này (23-6-1994). Điểm 1 trong nghị quyết nêu rõ: “Bằng việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982, nước ta đã biểu thị quyết tâm cùng cộng đồng quốc tế xây dựng một trật tự pháp lý công bằng, khuyến khích sự phát triển và hợp tác trên biển”. Quốc hội khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với các vùng nội thủy, lãnh hải. Quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công ước và các nguyên tắc của pháp luật quốc tế, yêu cầu các nước khác tôn trọng các quyền nói trên của Việt Nam. Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời cũng tuyên bố rõ lập trường của Nhà nước ta là giải quyết hòa bình các bất đồng liên quan đến Biển Đông trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật Biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển Đông đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản lâu dài, các bên liên quan cần duy trì hòa bình, ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

Tham gia Công ước Luật biển 1982, Việt Nam, quốc gia ven biển, được thừa nhận có vùng lãnh hải rộng 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý, thềm lục địa rộng ít nhất 200 hải lý và có thể mở rộng tới 350 hải lý tính từ đường cơ sở. Diện tích các vùng biển và thềm lục địa mà nước ta được hưởng theo quy định của Công ước, khoảng gần một triệu km², rộng gấp ba lần diện tích lãnh thổ đất liền.

Công ước Luật biển 1982 trở thành cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc, quan trọng, được thừa nhận và luôn được viện dẫn trong cuộc đấu tranh cam go, phức tạp để bảo vệ các vùng biển và thềm lục địa và các quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên biển. Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bên cạnh những chứng cứ lịch sử, pháp lý chứng minh chủ quyền của Việt Nam đã được xác lập liên tục, hoà bình từ lâu đời đối với hai quần đảo, Công ước là công cụ pháp lý để

phản bác những yêu sách phi lý, ngang ngược của Trung Quốc đối với cái gọi là “đường lưỡi bò” chiếm đến 80% diện tích Biển Đông, vốn là vùng biển nửa kín được bao bọc bởi 9 quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Công ước Luật biển 1982 cũng là cơ sở pháp lý chung cho việc phân định vùng biển và thềm lục địa chồng lấn giữa nước ta với các nước xung quanh Biển Đông như Campuchia, Thái lan, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia... góp phần tạo dựng sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, tạo môi trường ổn định, hoà bình, hợp tác và phát triển trong Biển Đông.

Trong việc *giải quyết tranh chấp trên Biển Đông, Việt Nam và Trung Quốc* cũng chịu ràng buộc của nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế theo quy định của Hiến chương Liên hợp quốc và tập quán quốc tế. Không một nước nào được phép sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp. Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp ở Biển Đông đã được ghi nhận và nhắc lại nhiều lần trong các văn kiện song phương và khu vực.

Năm 2002, ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về Ứng xử của các Bên ở Biển Đông (Tuyên bố DOC). Các bên tái khẳng định cam kết tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và “cam kết giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực, thông qua tham vấn, đàm phán hữu nghị giữa các quốc gia trực tiếp liên quan”¹. Các bên cũng cam kết “sẵn sàng tiếp tục các cuộc đối thoại và tham vấn về những vấn đề liên quan, thông qua các thể thức được các bên đồng ý, kể cả các cuộc tham vấn thường xuyên theo quy định của Tuyên bố này, vì mục tiêu khuyến khích sự minh bạch và láng giềng tốt, thiết lập sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau một cách hài hòa, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết hòa bình các tranh chấp giữa các bên”². Tuy nhiên, tuyên bố DOC được coi là một văn bản chính trị, không có giá trị ràng buộc, do đó không tạo ra bất kỳ giá trị pháp lý nào.

Năm 2011, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa hai nước. Thỏa thuận này yêu cầu hai nước trong quá trình đàm phán phải “thực hiện nghiêm túc nguyên tắc và tinh thần” của Tuyên bố DOC”. Nếu thỏa thuận này được xem là một thỏa thuận có tính chất ràng buộc (một điều ước quốc tế) giữa hai nước thì bằng cách dẫn chiếu đến Tuyên bố DOC, hai nước đã trao giá trị ràng buộc cho Tuyên bố DOC.

Các tuyên bố chung giữa Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu đề cập đến việc không làm phức tạp, mở rộng tranh chấp trên Biển Đông. Như: Tuyên bố chung về chuyên thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (11 đến 15-10-2011) ghi rõ: “Trước khi giải quyết dứt điểm tranh chấp trên biển, hai bên cùng giữ gìn hòa bình, ổn định trên Biển

¹ *Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc*, Sđd. Chú thích 93 [43].

² *Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc*, Sđd. Chú thích 94 [44].

Đông, giữ thái độ bình tĩnh và kiềm chế, không áp dụng hành động làm phức tạp hóa hoặc mở rộng thêm tranh chấp, không để các thế lực thù địch phá hoại quan hệ hai Đảng, hai nước, xử lý các vấn đề nảy sinh với thái độ xây dựng, không để ảnh hưởng tới quan hệ hai Đảng, hai nước và hòa bình, ổn định ở Biển Đông”¹.

Từ năm 2013, các tuyên bố bắt đầu nhấn mạnh đến việc nghiêm túc tuân thủ một cách toàn diện, đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố DOC và hướng đến xây dựng Tuyên bố COC. Mặc dù các tuyên bố này thường được xem là có tính chất chính trị, phi pháp lý, nhưng việc các nhà lãnh đạo cao nhất của hai nước liên tục đưa ra cam kết chung như thế cho thấy khả năng đã hình thành một thỏa thuận ràng buộc giữa hai quốc gia.

Tuyên bố chung về chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến Trung Quốc (19 đến 21-6-2013) ghi nhận Tuyên bố DOC: “Trước khi tranh chấp trên biển được giải quyết dứt điểm, hai bên nhất trí giữ bình tĩnh và kiềm chế, không có hành động làm phức tạp, mở rộng tranh chấp, đồng thời sử dụng tốt đường dây nóng quản lý, kiểm soát khủng hoảng trên biển giữa Bộ Ngoại giao hai nước, xử lý thỏa đáng các vấn đề nảy sinh với thái độ xây dựng, không để các vấn đề này ảnh hưởng đến đại cục quan hệ Việt-Trung cũng như hòa bình, ổn định tại Biển Đông. Hai bên nhất trí thực hiện toàn diện, có hiệu quả “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC), cùng nhau duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông”².

Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Trung Quốc trong chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc đến Việt Nam (13 đến 15-10-2013) khẳng định: “Hai bên nhất trí kiểm soát tốt những bất đồng trên biển, không có hành động làm phức tạp, mở rộng tranh chấp ..., đồng thời tiếp tục tích cực trao đổi và tìm kiếm các biện pháp có hiệu quả để kiểm soát tranh chấp, duy trì đại cục quan hệ Việt - Trung và hòa bình, ổn định trên Biển Đông Hai bên nhất trí thực hiện đầy đủ, hiệu quả “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC), tăng cường tin cậy, thúc đẩy hợp tác, cùng nhau duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông, theo tinh thần và nguyên tắc của “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC), trên cơ sở đồng thuận, nỗ lực hướng tới thông qua “Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông” (COC)”³.

Tuyên bố chung trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (7 đến 10-4-2015) nhất trí “cùng kiểm soát tốt bất đồng trên biển, thực hiện đầy đủ có hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và sớm đạt được Bộ Quy tắc

¹ Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (11–15/10/2011), mục 5, xem tại <http://baochinhphu.vn/Tieu-diem/Viet-Nam-Trung-Quoc-ra-Tuyen-bo-chung/100658.vgp>.

² Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến Trung Quốc (19–21/6/2013), mục 4, xem tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/viet-nam-trung-quoc-ra-tuyen-bo-chung-2835745.html>

³ Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc đến Việt Nam (ngày 13 - 15/10/2013), đoạn 5.c và đoạn 8, xem tại <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Tuyen-bo-chung-Viet-Nam-Trung-Quoc/183057.vgp>.

ứng xử ở Biển Đông (COC) trên cơ sở hiệp thương thống nhất, không có hành động làm phức tạp, mở rộng tranh chấp; xử lý kịp thời, thỏa đáng vấn đề nảy sinh, duy trì đại cục quan hệ Việt - Trung và hòa bình, ổn định ở Biển Đông”¹. Nội dung trên được nhắc lại trong Tuyên bố chung nhân chuyến thăm của Tổng bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình đến Việt Nam (5 đến 6-11-2015).

Thông qua các tuyên bố trên, Việt Nam và Trung Quốc cam kết sẽ giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp đàm phán trực tiếp giữa hai nước. Thực tiễn cho thấy đàm phán là biện pháp duy nhất mà hai nước đã sử dụng để giải quyết tất cả các tranh chấp từ trước đến nay, từ vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ, phân định biên giới trên đất liền và ranh giới trên biển trong Vịnh Bắc Bộ và nhiều vấn đề khác. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là Việt Nam và Trung Quốc bị hạn chế trong việc lựa chọn một biện pháp hòa bình khác, trong đó có biện pháp tài phán. Trong Phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc (29-10-2015), Tòa đã bác bỏ lập luận cho rằng các văn kiện song phương với những lời cam kết tương tự giữa Philippines và Trung Quốc thể hiện một cam kết pháp lý chỉ giải quyết tranh chấp bằng tham vấn và đàm phán². Việc hai nước nhấn mạnh đến biện pháp tham vấn và đàm phán không đồng nghĩa với việc loại trừ biện pháp tài phán, trừ khi hai nước có cam kết pháp lý rõ ràng quy định sự loại trừ như vậy. Việt Nam cũng khẳng định Việt Nam không loại trừ sử dụng các biện pháp pháp lý để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông³. Do đó, Thỏa thuận năm 2011 và các tuyên bố chung giữa lãnh đạo hai nước không thể được giải thích theo hướng hai nước cam kết chỉ giải quyết bằng đàm phán và loại trừ khả năng sử dụng các biện pháp tài phán.

Trong việc *giải quyết tranh chấp 5 nước 6 bên*, Đảng ta chú trọng: cần thực hiện tốt các biện pháp hòa bình, xây dựng lòng tin, gia tăng gắn kết và phát huy vai trò của ASEAN; thúc đẩy các nước ASEAN nêu cao tính độc lập tự chủ, phát huy nội lực, gia tăng gắn kết cộng đồng, cố kết nội khối và phát huy vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực. Trong tình hình mới, Đảng ta nhận định: “ASEAN trở thành Cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài”⁴. Việc các quốc gia ASEAN nhiều lần ra tuyên bố chung, bày tỏ quan ngại sâu sắc về tình hình Biển Đông, nhất là đối với hành động của Trung Quốc; yêu cầu các bên liên quan kiềm chế

¹ Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (7 – 10/4/2015), mục 5, xem tại <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Toan-van-Thong-cao-chung-Viet-Nam-Trung-Quoc/224488.vgp>

² *Nhìn lại nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế và vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc*, Sđd. Chú thích 104 [54].

³ Trích phát biểu của Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Hải Bình ngày 3/7/2014, đăng tại Báo điện tử Đài tiếng nói Việt Nam ngày 6/7/2014 (<http://vov.vn/vov-binh-luan/viet-nam-su-dung-moi-bien-phap-phap-ly-de-bao-ve-chu-quyen-336872.vov>) và Truyền hình An ninh ngày 4/7/014 (<http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/chinh-tri/viet-nam-se-su-dung-moi-bien-phap-hoa-binh-de-bao-ve-chu-quyen-50257.html>).

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.73.

không sử dụng vũ lực, không tiến hành các hoạt động làm gia tăng căng thẳng có thể làm phương hại đến hòa bình, ổn định, an ninh ở khu vực và trên Biển Đông; kêu gọi sớm đạt được Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) cho thấy các quốc gia thành viên của tổ chức này đã có sự chia sẻ và gắn kết với nhau vì mục tiêu chung, đẩy mạnh hợp tác để đối phó với tình hình mới.

Như vậy, các quốc gia ASEAN rất tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hòa bình, xây dựng lòng tin nên nhận được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế. Trong quan hệ với từng nước cũng như đối với cộng đồng, Việt Nam tích cực và chủ động thúc đẩy sự phát triển của xu hướng này, phát huy hơn nữa vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực. “Đó là yêu cầu cơ bản bảo đảm cho các quốc gia Đông Nam Á có thể tận dụng được cơ hội, lợi thế; khắc phục được nguy cơ, thách thức; không bị “kẹt”, bị chia rẽ bởi sự cạnh tranh chiến lược phức tạp giữa các nước lớn, nhất là trong vấn đề Biển Đông, bảo đảm ổn định và phát triển”¹.

Tại các hội nghị khu vực và quốc tế, Việt Nam luôn thể hiện lập trường xây dựng, nhằm thúc đẩy giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế. Đồng thời, Việt Nam cũng nghiêm túc tuân thủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); tích cực thúc đẩy sớm xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) và đẩy mạnh đối thoại nhằm duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông.

2.2.3. Không đứng về phía nước này để chống lại nước khác

Tình hình khu vực và Biển Đông có những biến động phức tạp do nhiều yếu tố gây nên và thúc đẩy, trong đó có yếu tố các nước lớn cạnh tranh ảnh hưởng, cọ xát với nhau về chiến lược, an ninh, kinh tế. Các cường quốc đều có tính toán chiến lược nhằm bảo đảm lợi ích của mình và kiềm chế ảnh hưởng của đối phương. Tuy nhiên tranh chấp ở biển Đông chủ yếu là giữa Mỹ và Trung Quốc. Kéo theo Mỹ là các nước đồng minh và đối tác (Singapo và Philippin) (Philippin hiện đang có xu hướng muốn đứng giữa, không nghiêng về bên nào cùng Việt Nam, Mianma). Các đồng minh đứng về phía Trung Quốc có: Lào, Campuchia, Brunei, những nước này cho rằng tranh chấp ở biển Đông không phải việc của Đông Nam Á mà của Trung Quốc. Ngoài ra còn có các nước khác như: Nga, Ấn Độ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

Đáng chú ý hơn cả là chưa có nước nào trên thế giới ủng hộ Việt Nam về chủ quyền trên biển Đông, họ đều tuyên bố đứng giữa. Do đó, trong chủ trương và quan điểm của Đảng về việc giải quyết vấn đề tranh chấp ở biển Đông luôn xác định rõ là không đứng về phía nước này để chống nước khác.

¹*Sự khó khăn và phức tạp của Việt Nam trong giải quyết tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông* - <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1457-su-kho-khan-va-phuc-tap-cua-viet-nam-trong-giai-quyet-tranh-chap-chu-quyen-o-bien-dong.html>

Theo như đánh giá của nhà Đông phương học Nga nổi tiếng, Giáo sư sử học Vladimir Kolotov, chủ nhiệm bộ môn lịch sử Viễn Đông của Đại học Saint Petersburg: "Xét cho cùng thì chính nhờ vào nước Mỹ trong năm 1974 đã bắt đầu bành trướng của Trung Quốc tại Biển Đông. Hoa Kỳ đã "bật đèn xanh" cho Trung Quốc chiếm đóng Hoàng Sa, Mỹ cũng im lặng trong năm 1988 khi Trung Quốc chiếm quần đảo Trường Sa. Thế thì tại sao bây giờ họ phải đứng về phía Việt Nam? Không có lý do nào để hy vọng vào Hoa Kỳ. Hãy xem những gì đang xảy ra trên thực tế. Mà trên thực tế người Mỹ muốn để các nước khác kiềm chế Trung Quốc trong khu vực. Họ chỉ bảo vệ các lợi ích riêng của mình, và lợi ích của Việt Nam và Hoa Kỳ không phải luôn luôn trùng hợp với nhau. Cần phải nhớ rằng, ý tưởng về "đường 9 đoạn" trong Biển Đông do Quốc Dân Đảng đề xướng trong năm 1947. Và Hoa Kỳ cũng dính đến vụ việc bởi vì khi đó Quốc Dân Đảng nằm dưới sự ảnh hưởng mạnh của Mỹ"¹.

Mục tiêu của Mỹ trong việc can dự vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương là duy trì lợi ích kinh tế, quyền lực chính trị, văn hóa, sức mạnh quân sự và ngoại giao, nhất là để kiềm chế các nước thách thức vai trò vượt trội của Mỹ trong các khu vực này và trên toàn thế giới. Cụ thể là: nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng và suy thoái kinh tế, tiếp tục là đầu tàu kinh tế của khu vực và thế giới (kinh tế); Mỹ muốn có tiếng nói quyết định tại các diễn đàn, các tổ chức, các liên kết trong khu vực, trên cơ sở đó tiếp tục khẳng định vị thế, vai trò là trung tâm lãnh đạo thế giới (chính trị); tiếp tục truyền bá các giá trị Mỹ, nhất là tự do, dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, đưa văn hóa Mỹ thâm nhập ngày càng mạnh mẽ vào khu vực (văn hóa); đối phó với việc tăng cường sức mạnh quân sự của các cường quốc trong khu vực, nhất là Trung Quốc, hỗ trợ cho các đồng minh thân cận duy trì sức mạnh vượt trội về quân sự và răn đe tiến công các nước (quân sự); tăng cường củng cố quan hệ với các đồng minh để tạo sự cân bằng chiến lược giữa Đông và Tây, giữa châu Âu, châu Á, châu Mỹ, giữa nước Mỹ với các trung tâm quyền lực chính trị, sức mạnh kinh tế, quân sự trên thế giới; thu hút các nước khác đi theo Mỹ làm đối trọng với các nước trong khu vực, trước hết là hình thành các liên minh mới để bao vây, làm đối trọng với Trung Quốc, sau đó là Nga... (ngoại giao).

Hoa Kỳ làm bất cứ việc gì cũng xuất phát từ lợi ích của Hoa Kỳ. Đó cũng là lẽ bình thường như mọi quốc gia khác. Việt Nam cũng vì lợi ích dân tộc của mình, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết. Cuộc cạnh tranh địa chính trị trên Biển Đông giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc cũng xuất phát từ lợi ích của mỗi quốc gia này, chứ không nước nào vì Việt Nam cả. Vì thế, không nên nhầm tưởng, rằng Hoa Kỳ giúp Việt Nam “thoát Trung”, vì chính họ cũng muốn “thoát Trung” mà không “thoát” nổi, vẫn phải vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

¹ <http://reds.vn-index.php-thoi-su-bien-dong-11349-dung-ao-tuong-my-se-bao-ve-viet-nam-o-bien-dong>

Sẽ là ảo tưởng khi nghĩ rằng Hoa Kỳ có thể giúp Việt Nam bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đường lưỡi bò mà Trung Quốc sử dụng trên Biển Đông được vẽ ra từ thời Trung Hoa dân quốc cũng là do Hoa Kỳ chống lưng; Hoàng Sa của Việt Nam bị Trung Quốc cưỡng chiếm tháng 1-1974 có đèn xanh của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ đã tỏ thái độ rất rõ ràng: họ không đứng về bên nào trong cuộc tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở Biển Đông. Hoa Kỳ ở lại hay ra rời khỏi TPP là xuất phát từ lợi ích của Hoa Kỳ, chứ không phải là đẩy Việt Nam lệ thuộc vào Trung Quốc như một số người nhầm tưởng. Mỹ lên án Trung Quốc chiếm cứ lãnh thổ, lãnh hải trái phép ở Biển Đông là chiếm biển quốc tế, chứ không phải chiếm của Việt Nam. Và do vậy Mỹ có trách nhiệm bảo vệ vùng biển quốc tế, kể cả việc phong tỏa các đảo do Trung Quốc chiếm (nếu có), chứ không phải bảo vệ chủ quyền của Việt Nam. Phán quyết PCA của toà quốc tế về vụ kiện của Philippines (do Mỹ hậu thuẫn) cũng không thừa nhận các thực thể ở Trường Sa có vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý, cho dù những thể đó là của bất cứ ai, kể cả Việt Nam. Với phán quyết này thì 1 triệu kilômét vuông trên biển của Việt Nam có thể chỉ còn là một giấc mơ. Đây là vấn đề Việt Nam cần hiểu đúng. Một câu hỏi lớn, rất lớn đang được đặt ra là: Trong cuộc đấu tranh về chủ quyền biển, đảo, Việt Nam sẽ phải chống lại ai? Không chỉ chống Trung Quốc là đủ mà trong trường hợp này, Trung Quốc không phải là đối tượng duy nhất.

Tóm lại, về giải quyết tranh chấp ở biển Đông trên lĩnh vực đối ngoại quốc phòng và hội nhập quốc tế, Việt Nam cần phải kiên trì và giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Độc lập, tự chủ là vô cùng quan trọng, nếu lệch lạc, đứng về một nước lớn nào, quay lưng lại một nước lớn khác thì cái đó sẽ phức tạp cho đất nước. Việt Nam coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, có chung biên giới, như là Trung Quốc, Lào, Campuchia... Đặc biệt quan hệ với Lào, Campuchia, là phải tôn trọng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của bạn, thật sự thấy rằng giúp bạn là tự giúp mình.

Trong quan hệ hợp tác, phải hết sức chú ý quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là xử lý quan hệ với Trung Quốc và Mỹ. Để làm sao quan hệ hữu nghị, tốt với cả Trung Quốc và Mỹ. Về an ninh của nước ta, quan hệ với Trung Quốc, Hoa Kỳ là hết sức quan trọng, nếu mà quan hệ hữu nghị tốt với cả hai nước thì chúng ta sẽ giữ được thế cân bằng, giữ quan hệ độc lập, tự chủ, không đi với nước lớn này để chống lại nước lớn khác.

2.2.4. Thực hiện chính sách đối ngoại ba không

Kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, chú trọng vận dụng truyền thống bang giao của dân tộc Việt Nam, kiên trì và chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại ba không là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở biển Đông. Chính sách “ba không” quốc phòng Việt Nam bao gồm: *không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia,*

thực chất là chính sách quốc phòng hòa bình, mong muốn hòa bình, tin cậy lẫn nhau... nằm trong đường lối đối ngoại của Đảng là “muốn là bạn với tất cả các quốc gia trên thế giới”. Đây là thông điệp hòa bình, mong muốn chung sống hòa bình với tất cả các quốc gia trong khu vực và thế giới.

Để không bị hất hẫng khi một quốc gia là đối tác của Việt Nam thay đổi chính sách đối ngoại, phải hết sức tránh lệ thuộc về tư duy, cắt đứt mọi sợi dây vô hình ràng buộc quan hệ của Việt Nam vào một cường quốc nào đó, kể cả về ý thức hệ. Trong cuộc cạnh tranh địa - chính trị trên Biển Đông, Việt Nam có thể đi về bên nào? Sẽ là hoàn toàn sai lầm nếu ngộ nhận rằng có thể dựa vào Mỹ để chống Trung Quốc, và cũng sẽ là sai lầm khi bắt tay với Trung Quốc để chống Mỹ, vì có lúc quan hệ Mỹ - Trung nổi lên là sự đối đầu, nhưng có lúc lại thoả hiệp, đối thoại và hợp tác với nhau, và thông thường là đan xen cả hai mặt đó. Nếu người Việt Nam chỉ nghiêng hẳn về bất cứ một bên nào để chống bên kia cũng đều nguy hiểm. Tại Hội thảo quốc tế về Việt Nam học lần thứ V (12-2016), GS. Kholotov cho rằng, Việt Nam không thể đi về bên phải, cũng không thể đi về bên trái, mà chỉ có thể đi thẳng. Còn theo GS C.Thayer, Việt Nam không nên từ bỏ chính sách “ba không” của mình. Việt Nam rất có kinh nghiệm về hoà đàm. Với bất cứ đối tượng nào, cho dù phải tiến hành chiến tranh với nhau, rồi cũng phải thu xếp bằng đàm phán hoà bình (như với Pháp 1945-1954, hay với Mỹ 1954-1975); cho dù coi nhau như kẻ thù, rồi cuối cùng cũng phải bình thường hoá, chuyển từ quan hệ thù địch sang quan hệ bạn bè, từ quan hệ đối tượng sang quan hệ đối tác. Cũng có thể duy trì quan hệ vừa là đối tượng, vừa là đối tác trong một thời gian dài. Người Việt Nam có câu: “Lấy đức báo oán thì tan. Lấy oán báo oán, oán càng oán thêm”. Quan hệ bang giao của quốc gia Đại Việt cũng để lại truyền thống “hoà hiếu với lân bang, nhún nhường với nước lớn”. Thiết nghĩ chính sách đối ngoại Việt Nam đã, đang và sẽ kế thừa và phát triển truyền thống và kinh nghiệm đối ngoại của dân tộc trong những điều kiện lịch sử mới.

Như trong sự kiện Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt trái phép giàn khoan nước sâu Hải Dương Thạch Du 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (02-5 đến 15-7-2014) tới vị trí cách đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam 17 hải lý về phía nam, cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam) khoảng 120 hải lý về phía đông. Đây là vị trí nằm hoàn toàn trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam theo Công ước Liên hợp quốc về luật biển. Hành động này đã tạo ra thách thức to lớn đối với chủ quyền quốc gia Việt Nam, ảnh hưởng nghiêm trọng đối với an ninh khu vực.

Để bảo vệ chủ quyền quốc gia, Việt Nam đã huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó ngoại giao (bao gồm ngoại giao nhà nước, ngoại giao quân sự và ngoại giao nhân dân) đóng vai trò hết sức quan trọng. Ngày 22-5-2014, trả lời báo chí quốc tế tại Philippines về tình hình biển Đông, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định: “Việt Nam

kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của mình bởi vì chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo là thiêng liêng. Chúng tôi luôn mong muốn có hòa bình, hữu nghị nhưng phải trên cơ sở bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, và nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng này để nhận lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông, lệ thuộc nào đó”¹.

Ngày 18-6-2014, trong cuộc gặp Ủy viên thường vụ Quốc vụ viện Trung Quốc Dương Khiết Trì tại Hà Nội, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Quan điểm về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên biển Đông là không thay đổi và không thể thay đổi”².

Người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước cũng đồng loạt đấu tranh một cách hòa bình để bảo vệ chủ quyền như: tuần hành phản đối, phát tờ rơi tuyên truyền về chủ quyền biển đảo, góp quỹ vì biển đảo; các học giả tổ chức hội thảo khoa học về biển Đông. Chính phủ và nhân dân các nước trên thế giới cũng lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh vì chính nghĩa, vì công lí của Việt Nam.

Trước diễn biến nghiêm trọng ở biển Đông, các bộ trưởng ngoại giao ASEAN đã thống nhất đưa ra tuyên bố chung về tình hình tại biển Đông (10-5-2014) yêu cầu các bên liên quan trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc đã được thừa nhận chung của luật pháp quốc tế và Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển 1982, thực hiện kiềm chế và tránh các hành động có thể làm phương hại đến hòa bình và ổn định ở khu vực; giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực³.

Với sự nhất trí tuyệt đối, Hạ viện Nhật Bản đã ra tuyên bố về biển Đông (11-6-2014), kêu gọi các bên liên quan thể hiện sự kiềm chế, không sử dụng vũ lực để thay đổi nguyên trạng và áp đặt chủ quyền một cách đơn phương trên Biển Đông⁴.

Ngày 13-7-2014, Thượng viện Mỹ thông qua Nghị quyết S.RES.412 về biển Đông. Đây là một bước tiến mạnh mẽ trong thái độ của phía Mỹ về biển Đông. Những tiếng nói tương tự ở Mỹ đã tạo nên sự thay đổi trong chiến lược của chính quyền Mỹ để ngăn chặn sự tham lam bành trướng của Trung Quốc, yêu cầu Trung Quốc phải trở lại nguyên trạng trước ngày 01-5-2014, tức trước ngày Bắc Kinh đưa giàn khoan 981 vào hoạt động trái phép trong thềm lục địa của Việt Nam⁵.

Trong các hội nghị quốc tế, vấn đề biển Đông và khủng hoảng giàn khoan 981 liên tục được Việt Nam và các nước trên thế giới đề cập đậm nét. Trong đó, tiếng nói của các nước lớn: Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp, ... và các tổ chức quốc tế: ASEAN, APEC, Tổ chức Pháp

¹<http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/thu-tuong-khong-danh-doi-chu-quyen-lay-huu-nghi-vien-vong-2994075.html>.

²<http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/181710/-lap-truong-ve-chu-quyen-vn-voi-hoang-sa-khong-the-thay-doi-.html>.

³Xem thêm: <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20140510/cac-ngoai-truong-asean-ra-tuyen-bo-chung-ve-bien-dong/606728.html>.

⁴<http://vtv.vn/quoc-te/uy-ban-doi-ngoai-ha-vien-nhat-ban-ra-tuyen-bo-ve-bien-dong-144433.htm>.

⁵<http://www.vietnamplus.vn/thuong-vien-my-nhat-tri-thong-qua-nghi-quyet-ve-bien-dong/270450.vnp>.

ngữ,... có vai trò quan trọng. Tiếng nói ủng hộ của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước lớn (Mỹ, Nhật Bản,...) và sự đấu tranh không ngừng nghỉ với sức mạnh toàn dân tộc Việt Nam đã có những tác dụng tích cực.

Cũng thời gian này liên tiếp diễn ra các cuộc thăm viếng lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao Việt Nam với các nước và tổ chức quốc tế: Tổng thống Ấn Độ thăm Việt Nam (9-2014), kết quả quan trọng của chuyến thăm là Ấn Độ cung cấp 100 triệu USD để Việt Nam mua tàu tuần tra của Ấn Độ; Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh thăm Mỹ (10-2014) để đẩy nhanh tiến độ đàm phán hiệp ước đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và đề nghị Mỹ cung cấp vũ khí để hiện đại hoá quân đội Việt Nam; Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Ấn Độ (10-2014); Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Liên bang Nga và Cộng hoà Belarus (11-2014) ...

Có thể khẳng định, các cuộc thăm viếng cấp cao kể trên đều hướng tới các mục tiêu chủ yếu: đa dạng hoá các mối quan hệ; tăng cường hợp tác thông qua các tổ chức quốc tế; giảm dần sự phụ thuộc vào một đối tác (Trung Quốc); nâng cao năng lực quốc phòng của Việt Nam; củng cố và tăng cường niềm tin chiến lược, giúp ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh¹.

Việt Nam đã thực hiện một chính sách ngoại giao linh hoạt: “dĩ bất biến, ứng vạn biến” và “không có gì quý hơn độc lập, tự do” theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Việt Nam coi “độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, vùng trời là thiêng liêng, cao quý nhất” nhưng cũng mong muốn cùng các nước xây dựng môi trường hoà bình, hợp tác để cùng phát triển. Đó là mong muốn chân thành, thực tâm của Việt Nam và Việt Nam cũng mong muốn các nước khác trong khu vực và trên thế giới có thái độ tương xứng, phù hợp. Ngày 15-7-2014, Trung Quốc đã buộc phải di dời giàn khoan 981 ra khỏi vùng biển Việt Nam.

Trên lĩnh vực *ngoại giao quốc phòng*, đảng và nhà nước ta có nhiều biện pháp thể hiện chính sách “ba không”. Tháng 6-2014, 80 đại diện hải quân Việt Nam và Philippins (mỗi bên có 40 người) đã có cuộc gặp lịch sử tại đảo Song Tử Tây (thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam). Cuộc gặp diễn ra trong bầu không khí thân thiện, hữu nghị, hợp tác². Mặc dù cuộc gặp bị Trung Quốc đánh giá là “trò hề vụng về”, nhưng chính thái độ của Trung Quốc lại phản ánh một điều rằng họ lo sợ sự đoàn kết của Việt Nam và Philippins.

Ngoại giao quốc phòng tiếp tục được đẩy mạnh. Từ 05-11 đến 28-11-2014, hai tàu chiến hiện đại nhất của Việt Nam đã thực hiện chuyến thăm 3 nước khu vực Đông Nam Á, bao gồm: Brunei, Philippines, Indonesia³. Đây là lần đầu tiên, tàu hải quân Việt Nam có chuyến công du dài ngày thăm nhiều nước trong khu vực. Chuyến thăm thể hiện tinh thần

¹ Thuật ngữ này được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nêu bật trong bài phát biểu quan trọng của ông tại Đối thoại Shingri-La (Singapore, tháng 5/2013, nguồn: <http://baodientu.chinhphu.vn/Cac-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Thu-tuong-Nguyen-Tan-Dung-phat-bieu-khai-mac-Doi-toai-Shangri-La-2013/181848.vgp>).

²<http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-vn/61/43/quan-doi/hai-quan-viet-nam-va-phi-lip-pin-giao-luu-tren-dao-lan-dau-tien/305494.html>.

³<http://kienthuc.net.vn/quan-su-viet-nam/tau-hai-quan-viet-nam-ket-thuc-chuyen-tham-3-nuoc-asean-419722.html>.

đoàn kết, hữu nghị giữa các nước trong khu vực, góp phần củng cố lòng tin chiến lược. Điều đó cho thấy Việt Nam và các nước có tranh chấp tại quần đảo Trường Sa sẵn lòng hợp tác với nhau, xử lý tốt các bất đồng. Mặc dù Trung Quốc sẽ diễn giải chuyển thăm theo cách của họ nhưng rõ ràng Việt Nam đang phát đi một thông điệp quan trọng của lòng tin và hợp tác, sẵn sàng “gác tranh chấp” để hướng tới một cộng đồng ASEAN thực chất hơn.

Trong quan hệ đối ngoại quốc phòng với Mỹ cũng sáng sủa hơn. Đáng chú ý nhất là tuyên bố của đại tướng Martin Dempsey, Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ thăm Việt Nam (8-2014): “Mỹ sẽ xem xét dỡ bỏ từng phần lệnh cấm vận vũ khí sát thương đối với Việt Nam”¹. Tháng 10-2014, trong cuộc gặp giữa Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh, ông John Kerry – Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ đã thông báo: “Mỹ dỡ bỏ một phần lệnh cấm vận vũ khí sát thương đối với Việt Nam”². Đây là tin vui đối với Việt Nam và với các công ty quốc phòng của Mỹ.

Mặc dù không phải sau khi Mỹ dỡ bỏ lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam thì nước ta sẽ có ngay vũ khí của Mỹ nhưng việc dỡ bỏ lệnh cấm đã cho thấy sự hợp tác và tin cậy lẫn nhau giữa 2 nước (vốn là cựu thù) được tăng cường. Đúng là Việt Nam có nhiều nguồn cung cấp vũ khí (không chỉ riêng Mỹ) nhưng cái lợi của Việt Nam khi được mua vũ khí của Mỹ được lí giải bởi các yếu tố sau:

Thứ nhất, vũ khí Việt Nam đang sử dụng chủ yếu được mua của Nga (trước đây là Liên Xô) nhưng Nga không chỉ bán vũ khí cho Việt Nam mà còn bán cho cả Trung Quốc;

Thứ hai, một số vũ khí Việt Nam mua của các nước khác (Pháp, Hà Lan, Israel,...) được lắp phụ tùng do Mỹ sản xuất hoặc do Mỹ nắm bản quyền. Nếu Mỹ cấm vận thì các hợp đồng mua vũ khí đó không thực hiện được;

Thứ ba, vũ khí Mỹ là khắc tinh của vũ khí Nga, nếu có vũ khí Mỹ thì Việt Nam có thêm sức mạnh để ngăn ngừa những cái đầu nóng trong quân đội Trung Quốc, ...

Như vậy, đối ngoại quốc phòng của Việt Nam thực hiện nhất quán nguyên tắc “ba không” và “Việt Nam trang bị vũ khí hiện đại chỉ vì mục đích hoà bình, tự vệ”. Đối ngoại quốc phòng là một kênh quan trọng để giúp ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, giữ được môi trường hoà bình, an ninh trong khu vực.

2.2.5. Tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, đặc biệt tăng cường lực lượng quân sự

Đại hội XII, Đảng ta khẳng định *tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh* là phải tập trung mọi nguồn lực của cả hệ thống chính trị xây dựng “thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc”. Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân”.

¹<http://vietnamembassy-usa.org/vi/tin-tuc/2014/08/chu-tich-hoi-dong-tham-muu-truong-lien-quan-my-martin-dempsey-tham-viet-nam>.

²<http://www.baomoi.com/Pho-Thu-tuong-Bo-truong-Ngoai-giao-Pham-Binh-Minh-tham-chinh-thuc-Hoa-Ky/122/14956824.epi>.

Để có thể giữ nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền, đặc biệt là chủ quyền trên Biển Đông, phải thực hiện: “kinh tế phải vững, quốc phòng phải mạnh, thực lực phải cường, lòng dân phải yên, chính trị - xã hội ổn định, cả dân tộc là một khối đoàn kết thống nhất”¹. Đảng chủ trương chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và có kế hoạch, phương án cụ thể, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông trong mọi tình huống. Quốc phòng và an ninh phải đủ sức mạnh để có thể “ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến”², để đất nước “không bị động, bất ngờ”; giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Tiếp tục thực hiện tốt quan điểm, chủ trương: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”³.

Đảng chú trọng xây dựng và mở rộng lực lượng bộ đội Biên phòng, dân quân tự vệ biển và lực lượng kiểm ngư, trong đó Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng chuyên trách hoạt động trên biển - giữ vai trò nòng cốt và gánh vác trách nhiệm nặng nề trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ các vùng biển, đảo của Tổ quốc, ưu tiên đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại, đặc biệt là các lực lượng thường xuyên tuần tra trên biển và chốt giữ các đảo ở khơi xa. Đồng thời trong tương lai gần, hải quân ta sẽ phấn đấu “có đủ các lực lượng: tàu mặt nước, tàu ngầm, không quân hải quân, hải quân đánh bộ và pháo - tên lửa bờ biển..., đủ khả năng bảo vệ chủ quyền, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ nhân dân ta lao động sản xuất trên biển, sẵn sàng ngăn ngừa và đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược từ hướng biển”⁴.

Bên cạnh lực lượng quân đội chính quy, việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển, theo phương châm “rộng khắp”, ở đâu có tàu, thuyền hoạt động trên biển, có dân định cư ở ven biển và trên đảo, ở đó có dân quân tự vệ, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống được Dân tộc chú trọng. Cũng với dân quân tự vệ biển, lực lượng kiểm ngư “là lực lượng kiểm soát dân sự của Việt Nam, có đầy đủ thẩm quyền để phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm của tàu cá nước ngoài; hỗ trợ ngư dân, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền quốc gia ở các vùng biển, đảo của Tổ quốc”⁵.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.73.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.218.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.149.

⁴ tapchiquptd.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/bao-ve-chu-quyen-cac-vung-bien-dao-cua-to-quoctrong-tinh-hinh-moi/791.html.

⁵ tapchiquptd.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/bao-ve-chu-quyen-cac-vung-bien-dao-cua-to-quoctrong-tinh-hinh-moi/791.html.

Quan điểm của Việt Nam là luôn phản ứng một cách kiềm chế, đề cao đối thoại, giải quyết tranh chấp một cách hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế nhưng quyết tâm giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ là nhà nước đầu tiên đã xác lập, thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa một cách hợp pháp, hòa bình và liên tục từ khi chúng còn là đất vô chủ. Sau này các bên liên quan nhảy vào tranh chấp, trong đó đặc biệt là Trung Quốc đã sử dụng vũ lực xâm lược, chiếm đóng bất hợp pháp quần đảo Hoàng Sa năm 1974 và ít nhất 6 thực thể trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam (Gạc Ma, Chữ Thập, Xu Bi, Tư Nghĩa, Châu Viên, Vành Khăn) năm 1988, 1995. Không những thế, kể từ khi chiếm đóng trái phép, Trung Quốc đã xây dựng các pháo đài quân sự kiên cố bất hợp pháp ở các điểm chiếm đóng này.

Từ năm 2013, Trung Quốc đẩy mạnh việc bồi đắp các đảo nhân tạo quy mô lớn trên 6 thực thể ở Trường Sa làm biến đổi hoàn toàn cấu trúc, diện mạo các thực thể này. Đồng thời họ cũng bồi đắp mở rộng một số thực thể ở Hoàng Sa. Ba đường băng Trung Quốc xây dựng trái phép ở Chữ Thập, Xu Bi và Vành Khăn có thể sử dụng cho mục đích quân sự và các máy bay quân sự hiện đại nhất của nước này có thể cất hạ cánh.

Đặc biệt, trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và quốc tế (CSIS), Hoa Kỳ đã công bố ảnh vệ tinh cho thấy Trung Quốc xây xong các nhà chứa máy bay bên cạnh đường băng quân sự ở Trường Sa. Cùng với hoạt động bố trí bất hợp pháp tên lửa phòng không HQ-9, tên lửa chống hạm YJ-63 ở Phú Lâm, Hoàng Sa, 3 sân bay ở Trường Sa sẽ tạo ra mối uy hiếp an ninh nghiêm trọng tới lãnh thổ các nước trong khu vực ven Biển Đông, đặc biệt là Việt Nam.

Do đó, việc nâng cao năng lực phòng thủ chống lại các mối đe dọa này là quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Việt Nam cũng như các nước khác ven Biển Đông. Việc này giống như Indonesia tăng cường phòng thủ Natuna, Malaysia tăng cường phòng thủ ở Sabah, Sarawak và Biển Đông, và Philippines cho phép Hoa Kỳ sử dụng 5 căn cứ quân sự trên lãnh thổ.

Giáo sư người Nga Dmitry Mosyakov bình luận trên Sputnik tiếng Việt (11-8-2016) rằng: "Lịch sử thập kỷ gần đây là câu chuyện về cách quần đảo Trường Sa dần dần chuyển vào sự kiểm soát của Trung Quốc như thế nào. Trong đó cũng đã rõ trận hải chiến năm 1988, khi người Trung Quốc đánh chìm ba tàu của Việt Nam. Và nếu bây giờ Trung Quốc bố trí căn cứ của mình trên các hòn đảo, chuẩn bị để sử dụng vào mục đích quân sự, thì chuyện đương nhiên là Việt Nam thông qua biện pháp đáp trả với mục đích đảm bảo quyền của nước mình với những hòn đảo. Chính Trung Quốc đã bác bỏ phán quyết của Tòa án

Hague, thay vì đàm phán lại bắt đầu quân sự hóa những hòn đảo, và như vậy không thể không tạo phản ứng đáp lại"¹.

Theo thứ trưởng Quốc phòng Việt Nam, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, thì: “Di chuyển bất kỳ loại vũ khí nào đến bất kỳ khu vực vào bất kỳ lúc nào trong vùng lãnh thổ có chủ quyền của chúng tôi là quyền hợp pháp của chúng tôi”².

Điều này hoàn toàn không mâu thuẫn với DOC, không phải là "quân sự hóa" Biển Đông như tuyên truyền xuyên tạc của Trung Quốc. Bởi lẽ, trên thực tế xương máu của biết bao chiến sĩ, đồng bào đã đổ xuống cùng mồ hôi, nước mắt để củng cố, bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa cũng như các quyền chủ quyền, quyền tài phán hợp pháp đối với các bãi cạn nằm trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa từ năm 1975 đến nay. Và ngay cả trong những thời kỳ đất nước đối mặt với những tình thế ngặt nghèo nhất, ngàn cân treo sợi tóc, thì củng cố phòng thủ và bảo vệ Trường Sa cũng như thêm lục địa phía Nam vẫn là ưu tiên hàng đầu.

Hơn thế nữa, Việt Nam là nước có chủ quyền với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì việc thực thi chủ quyền của mình là đương nhiên và cần thiết. Nó khác về bản chất với các hoạt động của Trung Quốc trên các thực thể nước này xâm lược và chiếm đóng trái phép từ năm 1974, 1988. Mặt khác, Hoa Kỳ và dư luận quốc tế cũng đã đều thấy và thừa nhận rằng, các đảo nhân tạo Trung Quốc bồi lấp ở Trường Sa không chỉ thay đổi hoàn toàn cấu trúc, diện mạo các thực thể, mà diện tích còn lớn chưa từng có, gấp nhiều lần tổng diện tích bồi đắp củng cố của các bên cộng lại. Các công trình Trung Quốc xây dựng như sân bay quân sự, ra đa cao tần có mục đích tấn công chứ không phải phòng thủ. Do đó, các công trình và hoạt động củng cố năng lực quân sự của Việt Nam ở Trường Sa là để phòng thủ chứ không phải tấn công hay đe dọa bất kỳ nước nào.

Nếu không có tầm nhìn chiến lược cùng với những nỗ lực bền bỉ, hết mình và sự hi sinh đó, thì liệu các bãi cạn trong thêm lục địa phía Nam và nhiều điểm đảo quan trọng ở Trường Sa có còn không, khi Trung Quốc luôn lăm le thôn tính bất cứ khi nào có thể? Những nhà dàn DK1, DK2 đứng chân trên các bãi cạn thêm lục địa phía Nam là minh chứng hùng hồn cho quyết tâm, ý chí và nỗ lực không mệt mỏi của Đảng, Nhà nước, nhân dân và Quân đội Việt Nam trong việc bảo vệ quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích hợp pháp của mình.

Việt Nam hoàn toàn có thể tăng cường vị thế của mình trên một số hòn đảo nằm trong vùng tranh chấp ở Biển Đông. Tháng 8-2016, Việt Nam đã kín đáo đưa một số giàn phóng tên lửa cơ động EXTRA ra một số căn cứ tại vùng quần đảo Trường Sa ở Biển Đông đang bị Trung Quốc tranh chấp. EXTRA được cho là có độ bắn chính xác trong phạm vi 150 km

¹ giaoduc.net.vn/Quoc-te/Quyen-phong-thu-chinh-dang-cua-Viet-Nam-o-Truong-Sa-post170061.gd

² giaoduc.net.vn/Quoc-te/Quyen-phong-thu-chinh-dang-cua-Viet-Nam-o-Truong-Sa-post170061.gd

với các loại đầu đạn 150 kg có thể mang chất nổ hay bom chùm để tấn công nhiều mục tiêu cùng lúc. Khi kết hợp với thiết bị bay chỉ đường nhắm bắn, hệ thống này có thể tấn công cả tàu lặn mục tiêu trên bộ. Điều này có nghĩa là các đường băng 3.000 mét và những cơ sở của Trung Quốc trên Đá Subi, Đá Chữ Thập và Đá Vành Khăn (theo cách gọi của Việt Nam) đều nằm trong tầm ngắm tại 21 đảo và bãi ngầm mà Việt Nam đang kiểm soát. Ngoài ra, hệ thống EXTRA được coi là dễ di chuyển và hiệu quả để chống lại chiến dịch đổ bộ. Nó sử dụng hệ thống radar nhỏ gọn, do đó không cần hậu cần cồng kềnh – và cũng phù hợp để triển khai trên các đảo và bãi ngầm.

Với chủ trương tiến thẳng lên hiện đại, trong những năm qua Quân chủng Hải quân đã được đầu tư mạnh mẽ, liên tiếp được trang bị nhiều loại vũ khí hiện đại như tên lửa bờ Bastion-P (Yakhont), pháo phản lực Extra và Accular tiên tiến, máy bay tuần thám - thủy phi cơ DHC-6, và đặc biệt là tàu ngầm Kilo-636 hiện đại

Như vậy, đến nay, Hải quân Việt Nam đã có khả năng tác chiến trong tất cả các chiều không gian, trên trời, trên mặt nước và nay là dưới mặt nước đại dương. Khi phối hợp cùng các lực lượng khác như Không quân tiêm kích - tiêm kích bom tầm xa, đặc công nước (thuộc Binh chủng Đặc công),... đã tạo ra sức mạnh tổng hợp Hải - Lục - Không quân, đủ sức bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Âm thầm lặng lẽ, các tàu ngầm Kilo Việt Nam có thể tác chiến độc lập, phối hợp cùng các tàu bạn hoặc cùng lúc nhiều lực lượng, sẵn sàng tạo ra những "cú đấm thép" đầy uy lực, khiến đối phương không kịp trở tay, tạo ra thắng lợi mang tính bước ngoặt trong những trận chiến khốc liệt trên biển. Đến nay, đã có 5 tàu ngầm Kilo được bàn giao cho Hải quân Việt Nam gồm các tàu 182 (Hà Nội), 183 (Thành phố Hồ Chí Minh), 184 (Hải Phòng), 185 (Đà Nẵng), 186 (Khánh Hòa) và 187 (Bà Rịa - Vũng Tàu). Mỗi tàu mang tên một tỉnh, thành phố, là niềm tự hào, vinh dự nhưng cũng là trách nhiệm nặng nề của các kíp tàu

Theo Giáo sư Nga, Vladimir Kolotov, trên thế giới hiện nay cần phải bảo vệ lập trường của mình không chỉ trên lời nói mà còn bằng những hành động cụ thể. "Trong một thời gian dài Việt Nam đã kêu gọi tuân thủ luật pháp quốc tế, đã cố gắng giải quyết vấn đề bằng các biện pháp hòa bình, thông qua các kênh ngoại giao, nhưng, những tuyên bố như vậy không có ảnh hưởng gì tới Trung Quốc. Bắc Kinh đã thực hiện những bước đi đơn phương, bao gồm cả việc sử dụng lực lượng vũ trang, nhằm mở rộng vùng kiểm soát của mình, bắt đầu xây dựng các đảo nhân tạo và cơ sở hạ tầng quân sự ở đó. Việt Nam đã hết kiên nhẫn, và bắt đầu bố trí trên một số đảo các giàn phóng tên lửa để bảo vệ lợi ích của mình.

Sự cân bằng quyền lực trong khu vực đã thay đổi rất nhiều có lợi cho Trung Quốc. Việt Nam đang thực hiện những bước đi nhỏ đầu tiên để chấn chỉnh tình trạng này. Hà Nội không muốn để tái diễn các sự kiện năm 1988. Đây là lãnh thổ của Việt Nam, và nếu xét thấy cần thiết họ có quyền di chuyển bất kỳ loại vũ khí nào trong vùng lãnh thổ có chủ

quyền của mình. Việt Nam sở hữu không chỉ một số lượng hạn chế các hệ thống tên lửa của Israel đang được đưa ra các hòn đảo. Việt Nam còn có các hệ thống tên lửa mạnh hơn của Nga, các tàu ngầm và các loại vũ khí hiện đại khác. Không nên quên rằng, Việt Nam là quốc gia với sức mạnh quân sự lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á, và trong thế kỷ 20 Việt Nam không hề thua một trận chiến nào"¹.

¹ <http://-reds.vn-index.php-thoi-su-bien-dong-11349-dung-ao-tuong-my-se-bao-ve-viet-nam-o-bien-dong>

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỦA ĐẢNG ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo

Trước tình trạng gia tăng căng thẳng trên biển Đông, trong đó có tranh chấp liên quan đến chủ quyền của Việt Nam, công tác tuyên truyền biển, đảo đã được Đảng và Nhà nước đẩy mạnh hơn, dư luận và các phương tiện thông tin truyền thông, báo chí nói nhiều, nói rõ ràng, cụ thể, nói đúng bản chất vấn đề về tranh chấp trên Biển Đông. Phản ứng mạnh mẽ của Việt Nam theo đường ngoại giao, cùng tiếng nói rất đúng, kịp thời, cần thiết, không né tránh một số vấn đề mà trước đây thường cho là nhạy cảm của các nhà khoa học, sử học, luật sư và báo chí trong nước đã nâng cao nhận thức, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân; đồng thời, qua đó các cơ quan báo chí, thông tấn lớn trên thế giới đưa tin nhiều về vấn đề này khiến dư luận quốc tế hiểu hơn về cơ sở pháp lý, lịch sử, lập trường của Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp trên Biển Đông. Nhờ đó mà nhiều chính khách, học giả trên thế giới, dư luận quốc tế đã lên tiếng đồng thuận, ủng hộ lập trường chính nghĩa, lẽ phải của Việt Nam.

Công tác tuyên truyền về chủ quyền quốc gia trên biển đã có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành và các địa phương; có sự chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ từ trung ương tới cơ sở về nội dung và phương pháp tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền đa dạng và phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế, lồng ghép chặt chẽ giữa các hoạt động đối ngoại, chính trị, kinh tế, quân sự, quốc phòng...

Cụ thể là trong nội dung tuyên truyền chủ yếu đề cập đến các điều khoản và nghĩa vụ cần phải chấp hành các quy định của luật pháp Việt Nam khi hoạt động hoặc tham gia giao thông trong phạm vi lãnh hải, các vùng nội thủy, vùng đảo, quần đảo và khu vực đặc quyền kinh tế trên biển Việt Nam; về các quan điểm chủ đạo và nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thực thi quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo, quần đảo và các khu vực đặc quyền kinh tế biển. Đặc biệt, chú trọng nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, nhất là các cấp, ngành ở địa phương ven biển, nhận thức rõ tính chất phức tạp của nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh mở cửa, hội nhập quốc tế; khẳng định, củng cố niềm tin cho nhân dân cả nước, cộng đồng quốc tế về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; làm chuyển biến ý thức, trách nhiệm của mỗi người... Qua đó, nhân dân Việt Nam cũng như cộng đồng quốc tế hiểu và nắm vững các vùng, khu vực thuộc chủ quyền lịch sử lâu đời của Việt Nam cũng như chủ quyền biển Việt Nam được xác lập trên cơ sở các điều khoản quy định trong Công ước quốc tế về Luật Biển 1982.

Công tác tuyên truyền cũng góp phần quan trọng trong việc cung cấp những thông tin kịp thời, minh bạch, chính xác để mọi người dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài

và nhân dân thế giới hiểu cơ sở pháp lý, cơ sở lịch sử và sự chiếm hữu thực tế của Việt Nam trên các vùng biển, đảo; biết quan điểm, lập trường của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông; từ đó, xây dựng niềm tin, ý chí quyết tâm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo và các hoạt động kinh tế biển.

Hiện nay, ủy ban Biên giới quốc gia đã có Trang thông tin điện tử bằng tiếng Việt và tiếng Anh để phổ biến và cung cấp thông tin chính xác cho công chúng và báo chí trong và ngoài nước. Tuy nhiên, việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cần chú trọng những “bài xã luận, bình luận ở nhiều cấp độ khác nhau thể hiện rõ quan điểm, lập trường của Đảng, Nhà nước, có những kiến nghị và giải pháp để định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Cùng với đó, cần kết hợp công tác tuyên truyền về biển, đảo với công tác giáo dục pháp luật, làm cho ngư dân hiểu rõ các quy định trong pháp luật nước ta và pháp luật quốc tế về biển, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), để từ đó, không chỉ chấp hành nghiêm các quy định mà còn kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của tàu, thuyền nước ngoài ở vùng biển Việt Nam”¹.

Với mục đích nâng tầm quy mô và chất lượng các nghiên cứu dự báo xu hướng thay đổi trên biển Đông, xây dựng hồ sơ lịch sử pháp lý, hình thành lập luận phục vụ đấu tranh và tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng khu vực và quốc tế, Quỹ hỗ trợ nghiên cứu biển Đông chính thức được thành lập (27-3-2014), nhằm mục đích hỗ trợ, tài trợ cho việc nghiên cứu, viết bài về Biển Đông của các học giả, nghiên cứu sinh, sinh viên trong và ngoài nước. Đây là kênh tập hợp, tìm kiếm và phát triển những cá nhân có năng lực và phẩm chất tốt và tổ chức nhiều hội thảo trong nước, quốc tế, công bố rộng rãi nhiều bài viết có tính chất khoa học và pháp lý phục vụ công tác nghiên cứu Biển Đông.

Trên website: <http://www.nghiencuubiendong.vn> cung cấp khá đầy đủ, cập nhật và thường xuyên các tin tức trong nước và quốc tế liên quan đến biển Đông, những công bố về nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài về biển Đông, những ý kiến, bình luận, tọa đàm, hội thảo liên quan đến biển Đông.

Tại Pháp có một nhóm nghiên cứu Biển Đông (viết tắt là BDTP), tập hợp các chuyên gia nghiên cứu về Biển Đông cùng hợp tác trên trang chủ website seasissues.org. Trang web là “cơ quan ngôn luận” trực tuyến của BDTP, giúp họ công bố tất cả tư liệu nghiên cứu liên quan tới Biển Đông và cả những phân tích, nhận định trước các diễn biến thời sự hằng ngày. BDTP trở thành cầu nối thông tin, kiến thức về Biển Đông đến cộng đồng người Việt Nam tại Pháp, tới người Pháp cũng như toàn thể nhân loại. Dựa trên tiêu chí hoạt động vì công lý và hòa bình, BDTP hướng tới ba mục tiêu chính: nghiên cứu về Biển Đông, chia sẻ

¹tapchiquptd.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/bao-ve-chu-quyen-cac-vung-bien-dao-cua-to-quoc-trong-tinh-hinh-moi/791.html

thông tin, kiến thức thuyết phục về Biển Đông và tiến hành các hoạt động hòa bình để ủng hộ các bên có chủ quyền tại Biển Đông. Họ đã phối hợp với các tổ chức như Hội người Việt Nam tại Pháp, Hội Hữu nghị Pháp - Việt, Hội Sinh viên Việt Nam tại Pháp và Trung tâm Thông tin và tư liệu về Việt Nam tổ chức một chương trình bao gồm nhiều hoạt động như triển lãm, chiếu phim, tọa đàm quốc tế về chủ đề Biển Đông.

Việc công bố các công trình nghiên cứu về Biển Đông đóng góp rất thiết thực cho việc giữ gìn hòa bình, ổn định và phát triển ở Biển Đông. Chính những hoạt động nghiên cứu và thảo luận này đã góp phần đưa Biển Đông vào “ra-đa” kiểm soát của cộng đồng quốc tế; bản chất của tranh chấp trên Biển Đông cũng như các vụ việc xảy ra trên Biển Đông được phân tích, đánh giá trên tinh thần khoa học, khách quan để dư luận trong nội bộ từng bên liên quan đến tranh chấp và dư luận quốc tế có thông tin đầy đủ và nhiều chiều hơn.

Để góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, đảo của Tổ quốc, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá X và Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam" ban hành theo Quyết định số 373-QĐ-TTg (23-3-2010) của Thủ tướng chính phủ trong đó Bộ Tư pháp và cơ quan Tư pháp địa phương cần tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành về công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo; phổ biến, cập nhật những văn bản, thông tin về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường biển, hải đảo cho cán bộ, công chức, đơn vị vũ trang thực thi nhiệm vụ trên khu vực biển, hải đảo; nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, hải đảo; tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; ... nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo...¹

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cũng cần sớm đưa các nội dung về chủ quyền biên giới và lãnh thổ, biển đảo vào trong sách giáo khoa ở các cấp phổ thông và đại học; in và phổ biến rộng rãi trong cộng đồng người Việt Nam và quốc tế các bản đồ mới về đường biên giới trên bộ và các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam. Các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về Biển Đông, chú trọng vào các đề tài khẳng định vững chắc chủ quyền của chúng ta, cả về mặt pháp lý, cơ sở lịch sử và truyền thống giữ biển của ông cha qua các thời kỳ.

¹ Xem thêm: *Một số vấn đề cơ bản của chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*. <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=1483>.

3.2. Đấu tranh ngoại giao trên cơ sở diễn biến của tình hình cũng như tùy từng vụ việc, mức độ mà có những quan điểm và chính sách phù hợp

Chủ quyền biển, đảo là chủ quyền quốc gia trên biển - là lợi ích quốc gia thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là cái bất biến; để đấu tranh bảo vệ lợi ích thiêng liêng đó, phải linh hoạt - phải ứng vạn biến, tùy từng vụ việc, mức độ mà có những quan điểm và chính sách phù hợp.

Trước những vấn đề chủ quyền biển đảo ngày càng nóng, Việt Nam luôn chủ trương, chủ động giải quyết mọi vụ việc bằng đối thoại, thương lượng thông qua con đường ngoại giao; yêu cầu các bên liên quan kiềm chế, không làm phức tạp thêm tình hình ở Biển Đông, “tăng cường các nỗ lực xây dựng lòng tin, hợp tác đa phương về an toàn biển, nghiên cứu khoa học, chống tội phạm; cùng nhau nghiêm chỉnh thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) ký năm 2002 giữa một bên là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và một bên là Trung Quốc, hướng tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC), để Biển Đông thực sự là vùng biển hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển, vì lợi ích của tất cả các nước trong khu vực, vì an ninh chung của khu vực và trên toàn thế giới”¹.

Từ năm 2009, Trung Quốc tuyên bố yêu sách Đường 9 đoạn “Đường lưỡi bò”, chiếm đến hơn 80% diện tích Biển Đông (bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam); tiếp theo động thái này, năm 2010, Trung Quốc khẳng định, Biển Đông là một trong những lợi ích cốt lõi của Trung Quốc; năm 2012, Trung Quốc thành lập “thành phố Tam Sa” trên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, và thành lập một đơn vị đồn trú mới đóng quân trên hòn đảo này.

Ngày 26-5-2011, ba tàu hải giám Trung Quốc đã áp sát, cắt cáp khảo sát địa chấn của tàu Bình Minh 02 và cảnh báo con tàu đang xâm phạm vào lãnh thổ của Trung Quốc khi con tàu này đang thực hiện hoạt động khảo sát thăm dò dầu khí cách bờ biển Nam Trung bộ của Việt Nam 80 hải lý, bên trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Trong một cuộc họp báo (29-5-2011), người phát ngôn của Bộ Ngoại Giao Việt Nam đã tuyên bố rõ rằng khu vực mà tàu Bình Minh 02 thực hiện hoạt động khảo sát hoàn toàn nằm bên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa rộng 200 hải lý của Việt Nam và đó không phải vùng tranh chấp cũng như một khu vực do “Trung Quốc quản lý”².

Thêm nữa, hành động của Trung Quốc vi phạm nghiêm trọng đến chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vi phạm quy định của Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS) và “đi ngược với tinh thần nhận thức” của DOC. Trong bản thông cáo Việt Nam “yêu cầu Trung

¹<http://bqllang.gov.vn/danh-sach-khach-vieng.html?id=2764:bao-ve-chu-quyen-bien-dao-trong-tinh-hinh-moi>

² *Hợp báo về việc tàu hải giám Trung Quốc cắt cáp khảo sát của Tàu Khảo sát Petro Vietnam.* http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbnfn/ns110530220030#1JLxTTgwqAy2.

Quốc ngay lập tức chấm dứt và không để xảy ra các vụ việc tương tự vi phạm chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam tại thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam cũng như đền bù thiệt hại do vụ cắt cáp gây ra đối với Việt Nam”¹.

Về việc khẳng định vùng đặc quyền kinh tế, trước tiên, khu vực Việt Nam “thực hiện các hoạt động thăm dò dầu khí nằm hoàn toàn” trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và “trong 200 hải lý thềm lục địa” của Việt Nam. Quan điểm này của Việt Nam “phù hợp” với Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS). Thứ hai, Việt Nam luôn tuân thủ theo nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước rằng các tranh chấp lãnh thổ nên được giải quyết thông qua các biện pháp hòa bình và cần tránh các hành động làm phức tạp thêm tình hình. Thêm vào đó, Trung Quốc không có quyền cản trở các hoạt động của Việt Nam nằm trong vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam. Cuối cùng, Việt Nam tố cáo rằng chính là hành động cắt cáp tàu thăm dò dầu khí của Việt Nam mới đi ngược lại nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước. Thứ ba, Việt Nam chỉ ra sự mâu thuẫn trong lập trường của Trung Quốc đó là “trong khi Trung Quốc kêu gọi giải quyết các tranh chấp thông qua các biện pháp hòa bình thì chính Trung Quốc lại gây ra các hành động làm phức tạp thêm tình hình tại Biển Đông”, hay Biển Nam Trung Hoa”.²

Một vụ việc tương tự xảy ra vào ngày 9-6-2011, khi một tàu cá Trung Quốc, với sự yểm trợ của tàu ngư chính Trung Quốc, đâm vào dây cáp khảo sát của tàu Viking II của PetroVietnam, khi con tàu này đang thực hiện công việc khảo sát địa chấn ở Lô 136-03, một khu vực nằm bên trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam và cách Đảo Hải Nam của Trung Quốc 622 hải lý. Vị trí tàu Viking II đang hoạt động nằm trong “200 hải lý thuộc thềm lục địa của Việt Nam đồng thời hành động này “vi phạm” cả Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 và DOC và đi ngược lại với nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước về duy trì hòa bình và ổn định trên Biển Đông.

Người phát ngôn của Bộ Ngoại Giao Việt Nam, bà Nguyễn Phương Nga tuyên bố rằng: “các hành động được lên kế hoạch theo một cách thức rất có hệ thống từ phía Trung Quốc với nỗ lực nhằm biến khu vực không tranh chấp thành có tranh chấp”³.

Các hành động của Trung Quốc đe dọa hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải ở Biển Đông, và trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam tại Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa... “khiến nhân

¹ Dẫn theo: GS. Ramses Amer, Trung Quốc, *Việt Nam và tranh chấp biển Đông: đánh giá tác động của các sự kiện tháng 5-6 năm 2011*; Chú thích 4. “Thông cáo báo chí về việc tàu Hải giám Trung Quốc cắt cáp thăm dò dầu khí của tàu thăm dò địa chấn Petro Việt Nam”, từ trang web Bộ Ngoại giao Việt Nam (http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbnfn/ns110530220030/newsitem_print_preview)(truy cập ngày 13/7/2011).

² Thông cáo báo chí về việc tàu Hải giám Trung Quốc cắt cáp thăm dò dầu khí của tàu thăm dò địa chấn Petro Việt Nam, *Sđđ*, Chú thích 6.

³ *Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Phương Nga tại Cuộc Họp báo ngày 9/6/2011*. http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbnfn/ns110610100618#kyKoH1NekSr9.

dân cả nước ta phấn uất, sục sôi tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; dư luận quốc tế cũng đồng loạt bày tỏ thái độ quan ngại về tình hình Biển Đông. Vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam, hơn lúc nào hết đặt ra một cách cấp bách. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông trở thành điểm nóng thử thách lương tâm, bản lĩnh, trí tuệ của con người Việt Nam”¹.

Đặc biệt, ngày 02-5-2014, Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 (Haiyang Shiyou-981) cùng nhiều tàu vũ trang, tàu quân sự và máy bay hộ tống trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam - đây là bước đi nhằm hiện thực hóa yêu sách Đường 9 đoạn, vi phạm đặc biệt nghiêm trọng luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, và vi phạm nghiêm trọng Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC).

Thấm nhuần nguyên tắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước, kiên quyết đấu tranh bằng mọi hình thức, bằng mọi giải pháp hòa bình buộc Trung Quốc rút giàn khoan và tàu hộ tống ra khỏi vùng biển của Việt Nam, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là kiên trì các giải pháp hòa bình trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế; trên cơ sở phát huy nội lực, phải linh hoạt, khôn khéo sử dụng các phương sách từ ngoại giao, pháp lý, đến ứng xử trên thực địa, để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Để bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại Biển Đông, từ ngày 02-5-2014, Việt Nam đã nhiều lần chủ động gửi công hàm, giao thiệp trên 30 lần ở nhiều cấp khác nhau để phản đối việc Trung Quốc đưa giàn khoan và tàu hộ tống vào vùng biển của Việt Nam - hành động xâm phạm các quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam; yêu cầu Trung Quốc rút giàn khoan và tàu hộ tống ra khỏi vùng biển của Việt Nam. Việt Nam cũng 4 lần gửi thư đề nghị Tổng Thư ký Liên hợp quốc lưu hành các tài liệu của Việt Nam liên quan đến việc Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Qua các cuộc tiếp xúc, điện đàm, cũng như trong nội dung Công hàm của Bộ Ngoại giao, Việt Nam kiên quyết phản đối Bộ Ngoại giao Trung Quốc, bác bỏ quan điểm, hành vi sai trái của phía Trung Quốc, khẳng định và nhấn mạnh khu vực Giàn khoan Hải Dương-981 và các tàu của Trung Quốc hoạt động nằm hoàn toàn trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam; hoạt động của Giàn khoan và các tàu bảo vệ của Trung Quốc đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam được quy định trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, vi phạm Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông 2002 (DOC), vi phạm Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chỉ

¹http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010087/0/7871/Dau_tranh_bao_ve_chu_quyen_bien_dao_hien_nay_theo_tu_tuong_Ho_Chi_Minh.

đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc rút ngay giàn khoan và các tàu ra khỏi vùng biển của Việt Nam. Và Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý, chứng cứ lịch sử khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa; quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng kinh tế đặc quyền và thềm lục địa được xác định phù hợp với Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982. Đề nghị hai bên giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán và các biện pháp hòa bình phù hợp luật pháp quốc tế, bao gồm Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển. Mặt khác, chúng ta tích cực hợp tác với các nước trong khu vực để tìm tiếng nói chung, cùng tìm ra giải pháp giải quyết và mục tiêu trước hết là đoàn kết giữa các nước trong vấn đề tranh chấp biển Đông trước sự gây hấn ngày càng hung hăng của Trung Quốc.

3.3. Giải quyết hài hòa mối quan hệ đối tượng và đối tác, vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

Đối tác là thuật ngữ chỉ mối quan hệ cộng tác - hợp tác nhưng ở mức độ cao hơn và cụ thể hơn. Đối tác bao gồm hai hay nhiều bên hành động cùng nhau để thực hiện những mục tiêu chung, vì lợi ích chung hay lợi ích tương đồng của mỗi bên. Đối tác của Việt Nam trong tình hình mới là những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam. Trong đó, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Hiện nay, trong quan hệ đối ngoại có thể phân loại một số đối tác theo mức độ quan hệ như: đối tác truyền thống, đối tác tin cậy, đối tác toàn diện, đối tác chiến lược toàn diện... Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 180 trong 193 quốc gia thành viên Liên Hợp quốc; có quan hệ thương mại với gần 2.230 quốc gia và vùng lãnh thổ, làm thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế. Chúng ta đã có 98 cơ quan đại diện tại các quốc gia và vùng lãnh thổ ở khắp 5 châu lục.

Trong khi tiếp tục củng cố, phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện với Vương quốc Campuchia; quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác nhiều mặt với Cộng hòa Cuba; Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 2 quốc gia, quan hệ đối tác chiến lược với 13 quốc gia và quan hệ đối tác toàn diện với 11 quốc gia

Còn đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới là những thế lực có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là âm mưu, hành động gây chiến tranh xâm lược: “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chế độ; xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc bằng phương thức vũ trang hoặc phi vũ trang, cả từ bên ngoài và bên trong.

Có ba loại đối tượng: Đối tượng đối lập về ý thức hệ có âm mưu và hành động tập

trung xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đối tượng vì lợi ích dân tộc hẹp hòi, có ý đồ tranh đoạt chủ quyền lãnh thổ nước ta và đối tượng có thể bị các nước lớn thao túng, có âm mưu và hành động chống phá ta.

Trong việc giải quyết vấn đề biển Đông hiện nay, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là cần giải quyết hài hòa mối quan hệ đối tượng và đối tác, trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong mỗi đối tác có thể có mặt mâu thuẫn với lợi ích của ta cần phải đấu tranh. Bởi lẽ vấn đề biển Đông là một vấn đề “nhạy cảm” trong quan hệ ngoại giao, gắn liền, đan xen với mặt đối tác cần tranh thủ để hợp tác, phát triển. Do đó, về mặt mục tiêu chiến lược, ta phải kiên định giữ vững nguyên tắc độc lập dân tộc và bảo đảm toàn vẹn chủ quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ. Về biện pháp chiến lược, phải khôn khéo, mềm dẻo, kiên trì xây dựng lòng tin chiến lược, phát huy những mặt tương đồng, tranh thủ tối đa mặt đối tác cùng tồn tại, phát triển hòa bình; từng bước thu hẹp những bất đồng trên cơ sở luật pháp quốc tế, bình đẳng, tôn trọng lợi ích của nhau. Mặt khác, ta cũng cần nghiên cứu kỹ đối tượng, có những biện pháp phòng ngừa để tránh sai lầm trong xử lý một số tình huống ở cấp chiến lược, không để bị động, bất ngờ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù”. Vận dụng quan điểm của Người, cần phải bình tĩnh, sáng suốt trong phân tích, đánh giá bản chất vấn đề Biển Đông trên các khía cạnh địa - chính trị và chủ quyền quốc gia, đánh giá bản chất mối quan hệ Việt Nam với Trung Quốc, Hoa Kỳ, các nước trong khu vực và các nước có liên quan đến tranh chấp, ảnh hưởng ở biển Đông để có những đối sách hợp lý bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và xây dựng một mối quan hệ đúng đắn trên cơ sở hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi.

Để duy trì hòa bình, ổn định ở biển Đông, Đảng và Nhà nước ta chủ trương bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; *giữ vững chủ quyền biển, đảo, biên giới*, vùng trời; từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải đảo, làm chủ lãnh hải và thềm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế.

Trong khi nỗ lực xử lý các vấn đề nảy sinh ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, đẩy mạnh hợp tác, Việt Nam cũng “cần kiên trì đấu tranh bảo vệ những lợi ích chính đáng của mình, song tránh gây phương hại cho yêu cầu giữ vững môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển; không để các thế lực phản động tìm cách lợi dụng, công kích, chống phá sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, chia rẽ quan hệ giữa nước ta và các nước liên quan”¹.

¹tapchiquptd.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/bao-ve-chu-quyen-cac-vung-bien-dao-cua-to-quoc-trong-tinh-hinh-moi/791.html

Trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam đã xây dựng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc về kinh tế, chính trị, thương mại. Trong đó việc giải quyết các vấn đề liên quan đến Biển Đông, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Trường Sa, Hoàng Sa và vùng đặc quyền kinh tế là vấn đề phức tạp và đặc biệt nhạy cảm, cần hết sức khéo léo, vừa cứng rắn về nguyên tắc vừa mềm dẻo về sách lược để tạo điều kiện có lợi nhất cho sự ổn định và phát triển đất nước.

Yêu cầu mang tính nguyên tắc trong quan hệ với Trung Quốc về tranh chấp trên Biển Đông là giải quyết thông qua thương lượng, thực hiện các biện pháp hòa bình thông qua sử dụng hiệu quả Công ước Luật Biển năm 1982, cũng như Điều 33 Hiến chương Liên hợp quốc. Để thu hẹp bất đồng, tìm kiếm giải pháp ổn định lâu dài, cùng với việc giải quyết một cách căn bản các tranh chấp về biên giới lãnh thổ trên bộ, tiến tới xây dựng đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào, Campuchia, Việt Nam đã đàm phán đi đến ký Hiệp định về Vùng nước lịch sử với Campuchia (1982); thỏa thuận khai thác chung với Malaysia (1992); Hiệp định phân ranh giới biển với Thái Lan (1997); Hiệp định phân vịnh Bắc bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá với Trung Quốc (2000); Hiệp định phân định thêm lục địa với Indonesia (2003). Việt Nam đang đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc bộ với Trung Quốc (Vòng thứ 8 từ 25 đến 27/9/2017); phân định vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa với Malaysia; phân định vùng đặc quyền kinh tế với Indonesia; phân định vùng biển với Campuchia; phân định vùng chồng lấn thêm lục địa ba nước Việt Nam, Thái Lan, Malaysia; phân định vùng chồng lấn thêm lục địa với Brunây. Việt Nam cũng đang kiên trì đàm phán để bảo vệ Vùng thông báo bay (FIR - vùng trời); xác định vùng trách nhiệm tiếp nhận thông tin cứu nạn hàng hải (VNMCC); vùng tìm kiếm cứu nạn (theo quy định của Công ước SAR 79 - vùng biển); xác định ranh giới thêm lục địa vượt quá 200 hải lý theo yêu cầu của Liên hợp quốc. Năm 2005, cơ quan dầu khí quốc gia ba nước Việt Nam, Trung Quốc, Philippin đã ký kết và triển khai thỏa thuận thăm dò địa chấn biển chung tại khu vực thỏa thuận trên Biển Đông; năm 2010, chúng ta hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc trên đất liền giữa Việt Nam - Trung Quốc. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước đã xác định đường biên giới rõ ràng trên đất liền với hệ thống cột mốc hiện đại, mở ra một trang mới trong lịch sử quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc. Ngoài ra, chúng ta thực hiện các cơ chế đối thoại và hợp tác về chính trị - an ninh khu vực, nhất là Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) tiếp tục hoạt động mạnh mẽ và được bổ sung với việc lập một số cơ chế mới như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng với các đối tác quan trọng (ADMM +), Hội nghị những người đứng đầu các cơ quan an ninh ASEAN (MACOSA) và Diễn đàn Biển ASEAN (AMF)...

Để hạn chế các vụ việc vi phạm pháp luật trên biển, cùng với công tác tuyên truyền sâu rộng cho ngư dân ta về các thỏa thuận quốc tế hữu quan, Hải quân ta còn tiến hành các

chuyến tuần tra chung trên biển với Hải quân Thái Lan (đã tiến hành trên 21 chuyến), với Hải quân Campuchia (đã tiến hành trên 19 chuyến) và trong Vịnh Bắc Bộ với Hải quân Trung Quốc (đã tiến hành được 10 chuyến). Lập kênh thông tin đường dây nóng giữa Tư lệnh Hải quân Việt Nam với Tư lệnh Hải quân một số nước trong khu vực, qua đó góp phần giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề nảy sinh trên biển. Ngoài ra, chúng ta cũng tham gia tích cực việc triển khai Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) được các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc (4-11-2002); tham gia Hội thảo không chế xung đột tiềm tàng ở Biển Đông do Ấn Độ chủ trì; hợp tác với Philippin triển khai dự án hợp tác nghiên cứu khoa học biển Việt Nam - Philippin, JOMSRE...

Những thỏa thuận và việc làm tích cực liên quan đến Biển Đông nói trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc tăng cường, hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, thu hẹp bất đồng, tạo không khí thuận lợi cho việc thúc đẩy đàm phán tìm kiếm giải pháp hòa bình, cơ bản, lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

Trong quan hệ với các nước trong khu vực, Đảng ta chủ trương thực hiện tốt các biện pháp hòa bình, xây dựng lòng tin, gia tăng gắn kết và phát huy vai trò của ASEAN. Đây là biện pháp được các nước Đông Nam Á và thế giới đồng tình ủng hộ. Sự tham gia của ASEAN trong tranh chấp Biển Đông đã có một lịch sử lâu dài và đáp ứng lợi ích của tất cả các bên, bao gồm cả Trung Quốc. Mục tiêu cơ bản của hiệp hội là tránh làm xấu tình hình, từ đó duy trì và thúc đẩy an ninh và hòa bình ở khu vực. Kinh nghiệm hai mươi năm tham gia trên thực tế của ASEAN đã chứng minh cho điều này. Tăng cường sự tham gia của ASEAN vào việc quản lý tranh chấp ở Biển Đông không làm suy yếu lợi ích hợp pháp của bất cứ bên nào, bao gồm cả những nước có yêu sách. Thay vào đó, những gì ASEAN đang cố gắng thực hiện sẽ “đem giá trị đến với tất cả, thậm chí bao gồm cả những nước không có yêu sách đối với các địa hình đất hay quyền tài phán trên biển ở Biển Đông, mà có một lợi ích trong hòa bình và ổn định ở khu vực và tự do hàng hải ở đây”¹.

Trong Báo cáo đánh giá quốc phòng bốn năm (2-2010), Lầu Năm Góc lần đầu tiên xác định cụ thể ba nhóm quốc gia chính ở khu vực “cần thiết phải tiếp tục nuôi dưỡng các quan hệ về quốc phòng” là: Đồng minh chính thức (Thái Lan, Philippin); Đối tác chiến lược (Xingapo); Đối tác chiến lược tiềm năng (Malaixia, Ấn Độ, Việt Nam).

Tại biển Đông, Việt Nam mong muốn sự hợp tác của các nước lớn để cân bằng lợi ích các bên và giảm thiểu nguy cơ xung đột. Sự tham gia của Nga, Ấn Độ, Mỹ,... trong việc khai thác dầu khí là những minh chứng sinh động cho việc hợp tác đó. Khi các nước lớn tăng cường hợp tác và đóng góp có trách nhiệm thì biển Đông sẽ là một khu vực hoà bình, ổn định và phát triển.

¹ Dẫn theo: Hà Anh Tuấn, *ASEAN và tranh chấp biển Đông*, trong: Tranh chấp biển Đông – Luật pháp, địa chính trị và hợp tác quốc tế, Nxb thế giới, 2012, tr. 105.

Do đó, Việt Nam kiên trì thực hiện chính sách ngoại giao đa phương, đảm bảo nguyên tắc "ba không" và chính sách "viễn giao" với những nước ở xa, cùng san sẻ lợi ích trên cơ sở bảo đảm chủ quyền và lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc.

3.4. Hiểu rõ và vận dụng có hiệu quả Luật pháp quốc tế, giải pháp hòa bình thương lượng trên cơ sở Luật biển năm 1982 (UNCLOS), những nguyên tắc ứng xử ASEAN (DOC-COC) và những phán quyết PCA (Hà Lan, 12-7-2016)

Kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển; đồng thời đẩy mạnh công tác đàm phán, phân định biển với các nước láng giềng; tăng cường hợp tác trên biển theo tinh thần Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), giữ gìn hòa bình và ổn định trên biển, cố gắng thu hẹp bất đồng, tìm kiếm giải pháp ổn định lâu dài là biện pháp nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong bối cảnh tình hình khu vực và quốc tế hiện nay ở biển Đông.

Tuyên bố về ứng xử các bên tại Biển Đông (DOC) tuy chưa đạt được mục tiêu mà ASEAN mong đợi là một bộ quy tắc ứng xử mang tính ràng buộc, và việc thực thi DOC đến nay vẫn chưa được triển khai về thực chất, nhưng đối với các nước ASEAN đây được xem là một bước ngoặt trong vấn đề Biển Đông. Mục đích đầu tiên và quan trọng nhất của DOC được nêu ngay trong phần mở đầu của Tuyên bố là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm giải pháp hòa bình và lâu dài cho tranh chấp ở Biển Đông, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác hiện có giữa các bên ký kết¹.

Trước đây, Trung Quốc chủ trương chỉ giải quyết song phương tranh chấp tại Biển Đông, vì muốn phát huy lợi thế nước lớn của mình trong quan hệ song phương bất đối xứng và lo ngại khả năng hình thành một mặt trận thống nhất trong ASEAN chống Trung Quốc. Thông qua DOC Trung Quốc muốn đạt được ý đồ về chính trị, kinh tế thương mại, xóa bỏ lo ngại của ASEAN trong quan hệ với Trung Quốc. Với việc ký kết DOC, Trung Quốc đã phần nào tạo được lòng tin với các nước ASEAN để từ đó làm cơ sở cho Trung Quốc phát triển các mối quan hệ trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại. Khi quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN trở nên nồng ấm, Trung Quốc dễ dàng thâm nhập thị trường đang được đánh giá là năng động của khối ASEAN.

Đáng chú ý là tại điểm 4 của DOC nêu đậm nghĩa vụ các bên giải quyết tranh chấp về lãnh thổ bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, thông qua thương lượng và đàm phán giữa các quốc gia có chủ quyền trực tiếp trên cơ sở các nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi của luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật biển 1982. Do vậy, việc Trung Quốc chấp nhận một cách chính thức từ bỏ sử dụng vũ lực trong tranh chấp Biển Đông đã phần nào đáp ứng yêu cầu của ASEAN. Và ngược lại, quy định tại điểm 4

¹ Trần Trường Thủy, *Vấn đề thỏa hiệp và hợp tác trên biển: trường hợp ký tuyên bố về ứng xử các bên ở biển Đông*, trong: *Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực*. Chú thích 16, Tr.149.

cũng ngăn ngừa khả năng ASEAN đưa vấn đề tranh chấp ở Biển Đông ra cơ quan tài phán quốc tế hay lôi kéo sự dính líu của các nước bên ngoài khu vực với vai trò hòa giải hay trung gian.

Tuy nhiên, DOC không phải là một văn kiện để giải quyết tranh chấp, mà chỉ tạo điều kiện, cơ hội cho các bên tìm kiếm một giải pháp cho tranh chấp. Trước mắt là tạo ra được một môi trường hợp tác, thân thiện thông qua các biện pháp xây dựng lòng tin và các hoạt động hợp tác làm tiền đề cho một giải pháp lâu dài hơn. Đây là cơ sở quan trọng mà Việt Nam cần vận dụng trong việc giải quyết tranh chấp ở biển Đông.

Trong chuyến thăm chính thức Trung Quốc (12-15-2017), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Chủ tịch Tập Cận Bình đã hội đàm về những định hướng lớn nhằm đẩy mạnh hợp tác giữa hai nước, trong đó có vấn đề trên biển. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định lập trường nhất quán của Việt Nam là kiên trì giải quyết tranh chấp Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, thực hiện đầy đủ và hiệu quả "Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)", cùng ASEAN sớm hoàn tất "Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC)". Hai nhà lãnh đạo cũng nhấn mạnh “cần tuân thủ nhận thức chung mà hai nước đã đạt được và "Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển Việt Nam - Trung Quốc", sử dụng cơ chế đàm phán để tìm kiếm giải pháp chung”¹.

Đồng thời, Đảng ta chủ trương vận dụng có hiệu quả những phán quyết PCA - Tòa Trọng Tài Thường Trực ở The Hague (Hà Lan - 12-7-2016) để giải quyết vấn đề biển Đông. Trong đó, điều đáng quan tâm hơn cả là kết luận: *không công nhận "đường chín đoạn" của Trung Quốc tại Biển Đông và Trung Quốc cũng không có chủ quyền lịch sử ở vùng biển này* của Tòa.

Về mặt pháp lý, bản chất của vụ kiện của Philippines và Trung Quốc không phải là vụ kiện về các vấn đề chủ quyền. Vì vậy, bất kỳ bên nào giành lợi thế sau phán quyết, vấn đề tranh chấp chủ quyền đối với Trường Sa vẫn chưa được giải quyết. Thực chất của vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc là nhằm thu hẹp các vùng biển tranh chấp qua 4 lập luận pháp lý chủ yếu: Bác bỏ giá trị pháp lý của yêu sách lịch sử của Trung Quốc từ “đường lưỡi bò”; thu hẹp vùng biển tranh chấp về phạm vi 12 hải lý của các thực thể là đảo đá tại Trường Sa; quy thuộc các bãi nửa nổi nửa chìm nằm ngoài 12 hải lý của các đảo về vùng EEZ và thềm lục địa của quốc gia ven biển; và xác định các hành vi hiện thực hoá “đường lưỡi bò” của Trung Quốc tại Biển Đông là các hành vi vi phạm luật quốc tế.

¹ Các lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc thảo luận về Biển Đông. <https://vn.sputniknews.com/asia-201701132812732-viet-nam-trung-quoc-bien-dong->

Cũng trong phiên tòa này, Việt Nam gửi đến vụ kiện 3 tuyên văn: Việt Nam ủng hộ vụ kiện của Philippines, không chấp nhận "đường chín đoạn" mà Trung Quốc đưa ra và Việt Nam đề nghị Tòa ghi nhận về những tuyên bố chủ quyền của Việt Nam về một số đảo như Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Việt Nam đã nhiều lần thể hiện quan điểm của mình, đặc biệt là trong Tuyên bố của Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi Tòa trọng tài (5-12-2014): Việt Nam ủng hộ việc tuân thủ và thực thi đầy đủ tất cả các quy định và thủ tục của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, kể cả việc giải quyết mọi tranh chấp có liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước bằng các biện pháp hòa bình; Việt Nam bảo lưu các quyền và lợi ích pháp lý của Việt Nam ở Biển Đông, trong đó có chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và các quyền và lợi ích tại các vùng biển được xác định theo Công ước; Việt Nam mong rằng Tòa giải thích và áp dụng các quy định liên quan của Công ước trong vụ kiện để đưa ra phán quyết công bằng và khách quan; Việt Nam đề nghị Tòa đặc biệt quan tâm đến các quyền và lợi ích pháp lý của Việt Nam ở Biển Đông và Việt Nam sẽ xem xét các bước đi tiếp để bảo vệ các quyền và lợi ích quốc gia.

Vụ kiện cũng cho thấy bản chất vấn đề Biển Đông không chỉ thuần túy là vấn đề tranh chấp lãnh thổ hay an ninh khu vực mà là vấn đề quản trị toàn cầu liên quan đến các nước lớn cũng như các vấn đề liên quan đến trật tự và luật pháp quốc tế.

Tuy nhiên, việc tòa PCA bác bỏ giá trị pháp lý của “đường lưỡi bò” sẽ tạo ra tác động tích cực chung cho các quốc gia ven Biển Đông, buộc Trung Quốc phải đưa ra yêu sách về các vùng biển phù hợp với quy định của UNCLOS. Về mặt chính trị, Philippines giành thắng lợi, dư luận quốc tế có cơ sở để thể hiện lập trường ủng hộ Philippines và qua đó ủng hộ Việt Nam, lên án “đường lưỡi bò” và các yêu sách, các hành động trái phép của Trung Quốc tại Biển Đông. Tuy nhiên, trên thực địa, Trung Quốc sẽ tiếp tục tiến hành leo thang trên thực địa và có thể đẩy mạnh các biện pháp trên thực địa tại Hoàng Sa do quần đảo này nằm ngoài phạm vi phán quyết của PCA. Điều này sẽ tạo ra căng thẳng trực tiếp với ta, gây khó khăn cho ta do hiện Trung Quốc nắm giữ quyền quản lý thực tế tại Hoàng Sa, trong khi thế giới và khu vực thường nhìn nhận đây là vấn đề song phương giữa ta và Trung Quốc. Nhưng ta sẽ dựa vững và phán quyết của Tòa PCA để giải quyết những tranh chấp tại khu vực Hoàng Sa, đồng thời hạn chế sự mở rộng, bành trướng trên biển và trên không của Trung Quốc tại biển Đông.

3.5. Đẩy mạnh tuyên truyền quốc tế, phối hợp với các cuộc đấu tranh của các nước nhằm đảm bảo hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới, bảo đảm an toàn hàng hải quốc tế qua biển Đông

Cùng với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, sự liên kết, hợp tác rộng lớn vì hòa bình và phát triển sẽ có sức mạnh to lớn, đủ sức để ngăn chặn hiệu quả mọi hành vi bành trướng, đe dọa hòa bình nói chung, hòa bình và tự do hàng hải trên Biển Đông nói

riêng. Vấn đề quan trọng hơn cả đặt ra là chúng ta phải làm như thế nào, để thế giới chú ý đến những gì đang diễn ra tại Biển Đông; để thế giới biết được tính chính đáng và quyết tâm thật sự của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, từ đó tranh thủ được sức mạnh cộng đồng quốc tế. Có thể nói, trong các giải pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế, thì ngoại giao vẫn là giải pháp tốt nhất để kiểm soát và giải quyết những tranh chấp trên Biển Đông hiện nay.

Đã từ lâu, cách mạng Việt Nam đã là một bộ phận của cách mạng thế giới, những hoạt động của nước ta “có muôn ngàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ”; chủ trương vận động quốc tế của Đảng và nhân dân Việt Nam cũng đã rất thành công trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần hình thành trên thực tế mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam vô cùng to lớn là cơ sở để Đảng ta chủ trương thực hành chính sách đối ngoại rộng mở, hòa bình, hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi trong thời kỳ hiện nay. Để có được sự ủng hộ quốc tế, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải làm cho thế giới hiểu rõ về Việt Nam, về cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam và sự phù hợp về lợi ích khu vực, thế giới trong mục tiêu đấu tranh của Việt Nam. Trong quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, cần tìm ra những điểm tương đồng, khai thác mọi khả năng có thể, nhằm tập hợp lực lượng đoàn kết ủng hộ Việt Nam theo nhiều cấp độ và dưới nhiều hình thức khác nhau.

Biển Đông là tuyến vận tải biển lớn thứ 2 thế giới, nhiều quốc gia và tổ chức khu vực, quốc tế có lợi ích từ biển Đông, như: “70% tàu chở dầu của Nhật Bản đi qua Biển Đông; hai phần ba khí tự nhiên của Hàn Quốc được vận chuyển qua Biển Đông; Hoa Kỳ - một siêu cường hàng hải, đã nhiều lần tuyên bố họ có lợi ích quốc gia ở Biển Đông. Lợi ích của Hoa Kỳ gắn với hòa bình, ổn định, tự do hàng hải và không quốc gia nào được độc chiếm, chi phối Biển Đông; lợi ích kinh tế của EU ở khu vực này là: 18,1% xuất khẩu của EU là tới Đông Á, trong khi toàn châu Á là 21,4%. EU nhập khẩu 30,1% hàng hóa từ Đông Á trong tổng số 34,3% từ châu Á”¹. Trong tổ chức ASEAN, 4 nước thành viên của tổ chức này, là Philippin, Việt Nam, Malayxia và Brunei có các tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông liên quan trực tiếp đến yêu sách Đường 9 đoạn của Trung Quốc. Do đó, Biển Đông là chủ đề gắn với xây dựng môi trường hòa bình và ổn định cho phát triển và phồn vinh của khu vực - một lợi ích hàng đầu của các nước trong Hiệp hội Đông Nam Á.

Nhìn tổng thể, các nước, các tổ chức khu vực, quốc tế, đều có chung lợi ích trong việc duy trì hòa bình, an ninh và tự do hàng hải trên Biển Đông; đều tỏ thái độ chống lại các mưu toan dùng vũ lực độc chiếm, chi phối Biển Đông; đều mong muốn Biển Đông là vùng biển hòa bình, hợp tác và thịnh vượng.

¹ Theo: *EU ở đâu trong xung đột Biển Đông?*, ngày 10-8-2012, Nguồn: <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/84013/eu-o-dau-trong-xung-dot-bien-dong-.html>

Mặt khác, chủ quyền biển, đảo Việt Nam được bảo đảm bằng cơ sở pháp lý và lịch sử, phù hợp Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), nên cuộc đấu tranh của Việt Nam chống sự xâm phạm biển, đảo trong lãnh hải của đất nước là việc làm chính nghĩa, được cộng đồng quốc tế ghi nhận; cuộc đấu tranh của Việt Nam cũng bao gồm trong đó mục đích bảo đảm hòa bình, an ninh và tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông.

Do đó, để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Đảng cần chú trọng các biện pháp:

Thứ nhất, thực hiện các kênh ngoại giao với nhiều hình thức, nhằm làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ cơ sở pháp lý, cơ sở lịch sử của chủ quyền biển, đảo Việt Nam; đặc biệt là phải phát huy được hệ thống truyền thông quốc tế trong việc cung cấp kịp thời, khách quan để các nước, trong đó có người dân Trung Quốc, hiểu biết thực chất về tranh chấp trên Biển Đông; hiểu biết về lập trường tôn trọng luật pháp quốc tế và sự kiên trì của Việt Nam về giải quyết hòa bình, không sử dụng vũ lực trong các tranh chấp chủ quyền biển, đảo.

Thứ hai, về pháp lý, vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông cần được quốc tế hóa, trong điều kiện cụ thể, có thể khởi kiện những hành động vi phạm luật pháp quốc tế ra trước cơ quan tài phán quốc tế phù hợp để bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác quốc tế song phương và đa phương, nhằm khai thác nguồn lợi kinh tế Biển Đông, chia sẻ lợi ích, tạo lợi ích đan xen về kinh tế Biển Đông với các nước, chia sẻ trách nhiệm bảo vệ hòa bình, tự do hàng hải trên Biển Đông.

Thứ tư, đối với tổ chức ASEAN: “cần thể hiện sâu sắc hơn tư cách thành viên chủ động, tích cực và trách nhiệm cao; góp phần ngăn chặn âm mưu “bẻ dũa từng chiếc”, củng cố đoàn kết cộng đồng ASEAN, tăng cường quan hệ với các thành viên, giữ vững và phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực; củng cố mối quan tâm chung của ASEAN là hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải ở Biển Đông; thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), thúc đẩy sớm xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC)”¹.

ASEAN có những lý do chiến lược để tham gia lâu dài ở cấp độ cao trong việc quản lý căng thẳng ở Biển Đông. Trước hết, Biển Đông nằm trong phạm vi địa chính trị của ASEAN và ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia của các thành viên của Hiệp hội. Tất cả các nước có yêu sách ở Đông Nam Á muốn ASEAN đóng vai trò lớn hơn trong việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông. Và tình hình ở Biển Đông có ảnh hưởng quan trọng đến sự

¹ *Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.* Nguồn: http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010087/0/7871/Dau_tranh_bao_ve_chu_quyen_bien_dao_hien_nay_theo_tu_tuong_Ho_Chi_Minh.

đoàn kết của ASEAN. Như Ernest Bower khẳng định, “Biển Đông kết nối đa số các quốc gia ở Đông Á về mặt địa lý và đồng thời lại cũng chia cắt các nước này”.¹

Sự tham gia của ASEAN trong việc quản lý tranh chấp ở Biển Đông dựa vào các nguyên tắc và cơ chế quản lý xung đột được xác định trong những văn kiện chủ chốt của ASEAN. Những văn bản này bao gồm Tuyên bố thành lập ASEAN năm 1967, Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC) năm 1976, Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (Bali Concord II) năm 2003, Đề cương xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, và Hiến chương ASEAN. Liên quan cụ thể đến Biển Đông, hai văn kiện quan trọng là Tuyên bố về Biển Đông năm 1992 và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên về Biển Đông năm 2002. Thứ năm, tăng cường, phát huy mối quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện đã được xác lập với các nước có tranh chấp ở Biển Đông; với các nước lớn, có lợi ích kinh tế, an ninh, tự do hàng hải trên Biển Đông, có lợi ích trong việc chống lại tham vọng độc chiếm, chi phối Biển Đông.

Thứ sáu, trong quan hệ với bên ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở “Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ”; trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, phải ưu tiên củng cố, phát triển các mối quan hệ có lợi cho việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam”².

Như vậy, đây mạnh tuyên truyền quốc tế, phối hợp với các nước trên cơ sở mục tiêu chung là hòa bình, ổn định, bảo đảm an toàn hàng hải quốc tế qua biển Đông là biện pháp hỗ trợ ngoại giao Việt Nam đặc lực trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo trong bối cảnh tranh chấp biển Đông phức tạp hiện nay.

¹ Dẫn theo: Hà Anh Tuấn, *ASEAN và tranh chấp biển Đông*, Tranh chấp biển Đông – Luật pháp... tr. 100. Chú thích 18.

² *Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nguồn: http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010087/0/7871/Dau_tranh_bao_ve_chu_quyen_bien_dao_hien_nay_theo_tu_tuong_Ho_Chi_Minh.

KẾT LUẬN

Biển Đông từ lâu được coi là nguyên nhân chính gây căng thẳng và bất ổn tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Sự phức tạp trong vấn đề biển Đông là một chuỗi những mối liên hệ chằng chéo, không chỉ bao gồm lịch sử, lợi ích chiến lược, vị trí địa chính trị, địa kinh tế mà còn là trung tâm của những hoạt động trên biển, địa bàn tranh chấp giữa những nước lớn trong và ngoài khu vực.

Biển Đông hiện nay bị chi phối bởi những chính sách của các nước lớn, tiêu biểu là Trung Quốc và Mỹ cùng những tranh chấp giữa 5 nước 6 bên ngày càng căng thẳng và phức tạp gây quan ngại cho các nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông, Đảng ta xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước”¹. Để làm được điều đó đòi hỏi chúng ta phải thực hiện tổng hợp các biện pháp, tạo ra bầu không khí hữu nghị, tin cậy lẫn nhau, cùng nhau hợp tác và phát triển theo tinh thần Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước vì hòa bình, hợp tác và phát triển, bảo đảm được lợi ích quốc gia dân tộc khi tham gia hội nhập quốc tế.

Là thành viên của Hiến chương Liên hợp quốc, của UNCLOS cũng như Tuyên bố của các bên về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC), Việt Nam luôn tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế, kiên trì con đường giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau; trong đó, biện pháp chủ yếu là thông qua đàm phán, thương lượng, nhằm tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của tất cả các bên liên quan, vì độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vì hòa bình, ổn định ở khu vực và quốc tế.

Mặt khác, Việt Nam cần có những biện pháp thích đáng ở các cấp độ khác nhau: song phương, khu vực và toàn cầu. Một mặt, kiên trì theo đuổi các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS; coi trọng sử dụng hiệu quả cơ chế toàn cầu và khu vực, thông qua các diễn đàn của Liên hợp quốc và ASEAN để các tổ chức này có tiếng nói, thể hiện rõ quan điểm đối với hành vi vi phạm chủ quyền của một quốc gia thành viên.

Đảng và Nhà nước ta trước sau như một khẳng định nhất quán chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; dựa vững vào luật pháp quốc tế để giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; không đứng về phía nước này để chống lại nước khác; kiên định thực hiện chính sách đối ngoại “ba không, đồng thời tăng cường khả năng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.73.

phòng thủ đất nước, đặc biệt tăng cường lực lượng quân sự đồng thời kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với an ninh quốc phòng.

Hơn nữa, việc tranh chấp giữa Việt Nam với Trung Quốc ở Hoàng sa, cũng như giữa Việt Nam với một số quốc gia khu vực ở Trường Sa là một vấn đề chỉ có thể giải quyết bằng biện pháp hoà bình, trên cơ sở pháp lý quốc tế. Việt Nam phải trực tiếp thông qua đàm phán song phương với Trung Quốc (về Hoàng Sa) và đa phương với 5 nước, 6 bên khác (về Trường sa). Để đàm phán có hiệu quả trước hết cần xây dựng và củng cố quan hệ chính trị thân thiện, xây dựng lòng tin chiến lược, làm sao để các nước trên thế giới hiểu và ủng hộ, lắng nghe chúng ta. Nếu sử dụng quan hệ thù địch sẽ không bao giờ đàm phán thành công, thậm chí có thể dẫn tới xung đột quân sự kéo dài và rốt cuộc tất cả cùng thua.

Với Trung Quốc, Việt Nam phải kiên trì vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Trong thế giới đương đại, mỗi người Việt Nam phải tự giải phóng mình bằng cách cởi bỏ hoàn toàn và triệt để tư duy: đã là bạn thì không phải là thù, đã là đối tượng thì không thể là đối tác và ngược lại. Những quan hệ này luôn có sự biến đổi, chuyển hoá cho nhau trong mỗi điều kiện lịch sử cụ thể.

Chủ quyền của Việt Nam phải do Việt Nam tự giải quyết. Tuy vậy, tất cả các bên có lợi ích chung ở Biển Đông là hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn đường hàng hải và hàng không quốc tế. Vì thế Việt Nam, các nước trong khu vực và các bên liên quan đều có trách nhiệm chống mọi ý đồ độc chiếm hoặc quân sự hoá Biển Đông, mà nổi lên trước mắt là Trung Quốc.

Trên cơ sở đó, Đảng ta đưa ra một số biện pháp để giải quyết vấn đề biển Đông như: đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo; đấu tranh ngoại giao trên cơ sở diễn biến của tình hình cũng như tùy từng vụ việc, mức độ mà có những quan điểm và chính sách phù hợp; giải quyết hài hòa mọi quan hệ đối tượng và đối tác, vừa hợp tác, vừa đấu tranh; hiểu rõ và vận dụng có hiệu quả Luật pháp quốc tế giải pháp hòa bình thương lượng trên cơ sở Luật biển năm 1982 (UNCLOS), những nguyên tắc ứng xử ASEAN (DOC/COC) và những phán quyết PCA - Tòa Trọng Tài Thường Trực ở The Hague (Hà Lan - 12/7/2016) về biển Đông; đẩy mạnh tuyên truyền quốc tế, phối hợp với các cuộc đấu tranh của các nước nhằm đảm bảo hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới, bảo đảm an toàn hàng hải quốc tế qua biển Đông.

Hiện nay, Việt Nam đang tích cực chuẩn bị hồ sơ pháp lý để đấu tranh bảo vệ chủ quyền tại biển Đông. Đây là việc làm hết sức cần thiết để giải quyết tranh chấp biển Đông trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay. Bởi lẽ, sử dụng công cụ pháp lý để chứng minh chủ quyền của mình hay bác bỏ các yêu sách chủ quyền vô lý của đối phương, các hoạt động vi phạm UNCLOS của một quốc gia thành viên nào đó đã phê chuẩn UNCLOS đã được ghi rõ trong bộ luật biển (Phần 15 Giải quyết các tranh chấp và Phụ lục 5, Phụ lục 6,

Phụ lục 7, Phụ lục 8 của UNCLOS). Đó là một biện pháp hòa bình, văn minh để giải quyết tranh chấp. Những năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy tiến trình giải quyết tranh chấp Biển Đông với các bên liên quan thông qua các biện pháp hòa bình. Điều này thể hiện rất rõ trong các tuyên bố chính thức của Bộ Ngoại giao cũng như tuyên bố chung trong các chuyến thăm và làm việc của lãnh đạo cấp cao Đảng và Nhà nước khi đề cập tới vấn đề Biển Đông.

Do đó, những chủ trương và quan điểm trên của Đảng và Nhà nước ta sẽ góp phần làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ thêm những chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý về chủ quyền biển đảo của Việt Nam, hiểu rõ giải pháp hòa bình thương lượng trên cơ sở Luật biển năm 1982 (UNCLOS) và những nguyên tắc ứng xử ASEAN (DOC/COC). Đồng thời tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới kể cả nhân dân Trung Quốc nhằm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, góp phần chống lại những thế lực bành trướng, bảo vệ hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo an toàn hàng hải và hàng không quốc tế trên Biển Đông. Hơn nữa, việc hoạch định những chủ trương và biện pháp của Đảng góp phần quan trọng làm giảm bớt những căng thẳng ở biển Đông trong tình hình hiện nay. Giúp cho các ngành có liên quan có cơ sở để đưa ra những chính sách và giải pháp phù hợp trong quá trình giải quyết vấn đề biển Đông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alice Ba, Ian Storey, Hà Anh Tuấn... , Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (cb), *Biển Đông: Quản lý tranh chấp và định hướng giải pháp*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2013.
2. Jeffrey A. Bader, *Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc – Bên trong chiến lược châu Á của Mỹ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, 4 tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
4. Brice M. Claget, *Những yêu sách đối kháng của Việt Nam và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong biển Đông*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012.
5. *Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển 1982*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
6. Nguyễn Bá Diên, *Yêu sách "đường lưỡi bò" phi lý của Trung Quốc và chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2015.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, T. 52, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, T. 56, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
14. Đức Dương, Thu Thủy, Minh Ngọc... ; Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Thái Anh, Quốc Dũng, *Chính nghĩa Việt Nam về chủ quyền biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, NXB Văn học, Hà Nội, 2014.
15. *"Đường lưỡi bò" Một yêu sách phi lý*, NXB Tri thức, 2014.
16. G. M. Lokshin, *Biển Đông: Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.

17. Geoffrey Till, Rodolfo C. Severino, Bronson Percival... ; Đặng Đình Quý (cb), *Tranh chấp biển Đông: Luật pháp, địa chính trị và hợp tác quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2012.
18. Geoffrey Till, Hideaki Kaneda, Su Hao... , Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (cb), *Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên liên quan*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2013.
19. Trần Duy Hải (cb), *Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2014.
20. Học viện ngoại giao, *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
21. Nguyễn Tuấn Khanh, *Sự hiện diện của các cường quốc ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế*, NXB Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2015.
22. Hãn Nguyên, Nguyễn Nhã, *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2013.
23. Vũ Dương Ninh, *Quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.
24. Đinh Kim Phúc, *Hoàng Sa - Trường Sa: Luận cứ và Sự kiện*, NXB Thời đại, Hà Nội, 2012.
25. *Quan điểm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội về đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo*, NXB văn học, 2014.
26. Phạm Hoàng Quân, *Hoàng Sa, Trường Sa: Nghiên cứu từ sử liệu Trung Quốc*, NXBVăn hoá Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2014.
27. Đỗ Tiến Sâm (cb), *Biển Đông lịch sử, pháp lý và quan hệ quốc tế*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
28. Huỳnh Tâm Sáng, *Biển Đông trong chiến lược trở thành cường quốc biển của Trung Quốc*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2015.
29. *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung*, NXB Đà Nẵng, 1996.
30. Nguyễn Minh Tâm, *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2015.
31. Trần Nam Tiến, *Hợp tác ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế*, NXB Văn hóa-văn nghệ, 2014.
32. Nguyễn Hồng Thao và Ramses Amer, *Biển Đông: Tìm kiếm một dàn xếp pháp lý mới nhằm tăng cường ổn định, hoà bình và hợp tác*, tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, Số 2 (77), 2009.

33. Phạm Ngọc Trâm, *Bảo vệ chủ quyền và quản lý – khai thác biển đảo Việt Nam 1975-2014*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2014.
34. Trần Minh Trường, *Những quan điểm nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới* của NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.
35. Nguyễn Ngọc Trường, *Về vấn đề biển Đông*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.
36. Vinod Saighal, Su Hao, Ren Yuanzhe... ; Đặng Đình Quý (cb), *Biển Đông: Hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2011.
37. Vinod Saighal, Geoffrey Till, Mark J. Valencia... Đặng Đình Quý (cb), *Biển Đông - Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế đồng tổ chức bởi Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia tại Hà Nội, ngày 26-27 tháng 11 năm 2009, NXB Thế giới, Hà Nội, 2010.
38. Trần Ngọc Vương (cb), *Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 và tham vọng của Trung Quốc độc chiếm Biển Đông*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2015.
39. Ủy ban Biên giới Quốc gia, Nguyễn Nhã, Nguyễn Đình Đầu..., *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý: Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam = Paracel & spratly islands belong to Vietnam*, NXB Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2016.
40. Một số bài viết về biển Đông và tranh chấp ở biển Đông trên các Website.